

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
I	THIẾT BỊ SMART					
1	Pad					
1	680005TY-61	Smart - HomePad Air (Grey) 680005TY-61	8.715.000	24.675.000	8.659.224	27.143.000
2	S00E0-S026	Smart - Bảng điều khiển thông minh S00E0-S026	5.460.000	15.225.000	5.425.056	16.748.000
3	S00E0-S073	Smart - HomePad Pro 8 Inch with ZigBee & BLE Gateway S00E0-S073	12.075.000	33.285.000	11.997.720	36.614.000
4	S00E0-S048	Smart - Home Pad 8 Inch with ZigBee Gateway S00E0-S048	12.390.000	33.600.000	12.310.704	36.960.000
5	S00E0-S042	Smart - Simpad plus with gateway (Alexa speaker) S00E0-S042	6.143.000	17.326.000	6.103.685	19.059.000
2	M7 Smart					
1	66E8001MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc đơn (Metal)- Grey 66E8001MTY-2B	915.000	2.562.000	909.144	2.818.000
2	66E8001MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc đơn (Metal)- Gold 66E8001MTY-2C	915.000	2.562.000	909.144	2.818.000
3	66E8002MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc đôi (Metal)- Grey 66E8002MTY-2B	1.030.000	2.882.000	1.023.408	3.170.000
4	66E8002MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc đôi (Metal)- Gold 66E8002MTY-2C	1.030.000	2.882.000	1.023.408	3.170.000
5	66E8003MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc ba (Metal)- Grey 66E8003MTY-2B	1.145.000	3.205.000	1.137.672	3.526.000
6	66E8003MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc ba (Metal)- Gold 66E8003MTY-2C	1.145.000	3.205.000	1.137.672	3.526.000
7	66E8004MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc bốn (Metal)- Grey 66E8004MTY-2B	1.259.000	3.524.000	1.250.942	3.876.000
8	66E8004MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc bốn (Metal)- Gold 66E8004MTY-2C	1.259.000	3.524.000	1.250.942	3.876.000
9	66E8005MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh đơn (Metal)- Grey 66E8005MTY-2B	894.000	2.503.000	888.278	2.753.000
10	66E8005MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh đơn (Metal)- Gold 66E8005MTY-2C	894.000	2.503.000	888.278	2.753.000
11	66E8006MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh đôi (Metal)- Grey 66E8006MTY-2B	986.000	2.762.000	979.690	3.038.000
12	66E8006MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh đôi (Metal)- Gold 66E8006MTY-2C	1.740.060	2.762.000	1.728.924	3.038.000
13	66E8007MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh ba (Metal)- Grey 66E8007MTY-2B	1.860.390	2.953.000	1.848.484	3.248.000
14	66E8007MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh ba (Metal)- Gold 66E8007MTY-2C	1.860.390	2.953.000	1.848.484	3.248.000
15	66E8008MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh bốn (Metal)- Grey 66E8008MTY-2B	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
16	66E8008MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh bốn (Metal)- Gold 66E8008MTY-2C	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
17	66E8025MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh tám (Metal)- Grey 66E8025MTY-2B	2.428.020	3.854.000	2.412.481	4.239.000
18	66E8025MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc báo cảnh tám (Metal)- Gold 66E8025MTY-2C	2.428.020	3.854.000	2.412.481	4.239.000
19	66E8013MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đơn (Metal)- Grey 66E8013MTY-2B	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
20	66E8013MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đơn (Metal)- Gold 66E8013MTY-2C	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
21	66E8014MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đôi (Metal)- Grey 66E8014MTY-2B	2.407.230	3.821.000	2.391.824	4.203.000
22	66E8014MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đôi (Metal)- Gold 66E8014MTY-2C	2.407.230	3.821.000	2.391.824	4.203.000
23	66E8015MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đơn (Metal)- Grey 66E8015MTY-2B	2.220.120	3.524.000	2.205.911	3.876.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
24	66E8015MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đơn (Metal)- Gold 66E8015MTY-2C	2.220.120	3.524.000	2.205.911	3.876.000
25	66E8009MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc bốn: 2 bối cảnh + 2 công tắc (Metal)- Grey 66E8009MTY-2B	2.223.900	3.530.000	2.209.667	3.883.000
26	66E8009MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc bốn: 2 bối cảnh + 2 công tắc (Metal)- Gold 66E8009MTY-2C	2.223.900	3.530.000	2.209.667	3.883.000
27	66E8055MTY-2B	M7 Smart - 1 Gang Smart Switch(20A) (Metal)- Grey 66E8055MTY-2B	2.082.150	3.305.000	2.068.824	3.636.000
28	66E8055MTY-2C	M7 Smart - 1 Gang Smart Switch(20A) (Metal)- Gold 66E8055MTY-2C	2.082.150	3.305.000	2.068.824	3.636.000
29	66E8017MTY-2B	M7 Smart - Bộ công tắc Dimmer và Tunable white (Metal)- Grey 66E8017MTY-2B	1.952.370	3.099.000	1.939.875	3.409.000
30	66E8017MTY-2C	M7 Smart - Bộ công tắc Dimmer và Tunable white (Metal)- Gold 66E8017MTY-2C	1.952.370	3.099.000	1.939.875	3.409.000
31	66E8028MTY-2B	M7 Smart - Tunable White and Dimming Switch with screen (Metal)- Grey 66E8028MTY-2B	4.025.070	6.389.000	3.999.310	7.028.000
32	66E8028MTY- 2C	M7 Smart - Tunable White and Dimming Switch with screen (Metal)- Gold 66E8028MTY-2C	4.025.070	6.389.000	3.999.310	7.028.000
33	66E7109MTY-2B	M7 Smart - Temperature Controller (Metal)- Grey 66E7109GTY-2B	4.221.000	6.700.000	4.193.986	7.370.000
34	66E7109MTY-2C	M7 Smart - Temperature Controller (Metal)- Gold 66E7109GTY-2C	4.221.000	6.700.000	4.193.986	7.370.000
35	66E7102MTY-2B	M7 Smart - Bộ Thermostat (Metal)- Grey 66E7102MTY-2B	3.717.000	5.900.000	3.693.211	6.490.000
36	66E7102MTY-2C	M7 Smart - Bộ Thermostat (Metal)- Gold 66E7102MTY-2C	3.717.000	5.900.000	3.693.211	6.490.000
37	66E8001GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc đơn (Gem)- White 66E8001GTY-4F	1.614.060	2.562.000	1.603.730	2.818.000
38	66E8001GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc đơn (Gem)- Grey 66E8001GTY-4D	1.614.060	2.562.000	1.603.730	2.818.000
39	66E8002GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc đôi (Gem)- White 66E8002GTY-4F	1.815.660	2.882.000	1.804.040	3.170.000
40	66E8002GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc đôi (Gem)- Grey 66E8002GTY-4D	1.815.660	2.882.000	1.804.040	3.170.000
41	66E8003GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc ba (Gem)- White 66E8003GTY-4F	2.019.150	3.205.000	2.006.227	3.526.000
42	66E8003GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc ba (Gem)- Grey 66E8003GTY-4D	2.019.150	3.205.000	2.006.227	3.526.000
43	66E8004GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc bốn (Gem)- White 66E8004GTY-4F	2.220.120	3.524.000	2.205.911	3.876.000
44	66E8004GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc bốn (Gem)- Grey 66E8004GTY-4D	2.220.120	3.524.000	2.205.911	3.876.000
45	66E8005GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đơn (Gem)- White 66E8005GTY-4F	1.576.890	2.503.000	1.566.798	2.753.000
46	66E8005GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đơn (Gem)- Grey 66E8005GTY-4D	1.576.890	2.503.000	1.566.798	2.753.000
47	66E8006GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đôi (Gem)- White 66E8006GTY-4F	1.740.060	2.762.000	1.728.924	3.038.000
48	66E8006GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đôi (Gem)- Grey 66E8006GTY-4D	1.740.060	2.762.000	1.728.924	3.038.000
49	66E8007GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh ba (Gem)- White 66E8007GTY-4F	1.860.390	2.953.000	1.848.484	3.248.000
50	66E8007GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh ba (Gem)- Grey 66E8007GTY-4D	1.860.390	2.953.000	1.848.484	3.248.000
51	66E8008GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh bốn (Gem)- White 66E8008GTY-4F	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
52	66E8008GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh bốn (Gem)- Grey 66E8008GTY-4D	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
53	66E8025GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh tám (Gem)- White 66E8025GTY-4F	2.428.020	3.854.000	2.412.481	4.239.000
54	66E8025GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh tám (Gem)- Grey 66E8025GTY-4D	2.428.020	3.854.000	2.412.481	4.239.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
55	66E8013GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đơn (Gem)- White 66E8013GTY-4F	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
56	66E8013GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đơn (Gem)- Grey 66E8013GTY-4D	1.981.980	3.146.000	1.969.295	3.461.000
57	66E8014GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đôi (Gem)- White 66E8014GTY-4F	2.407.230	3.821.000	2.391.824	4.203.000
58	66E8014GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đôi (Gem)- Grey 66E8014GTY-4D	2.407.230	3.821.000	2.391.824	4.203.000
59	66E8015GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đơn (Gem)- White 66E8015GTY-4F	2.220.120	3.524.000	2.205.911	3.876.000
60	66E8015GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đơn (Gem)- Grey 66E8015GTY-4D	2.220.120	3.524.000	2.205.911	3.876.000
61	66E8009GTY-4F	M7 Smart - Bộ công tắc bốn: 2 bối cảnh + 2 công tắc (Gem)- White 66E8009GTY-4F	2.223.900	3.530.000	2.209.667	3.883.000
62	66E8009GTY-4D	M7 Smart - Bộ công tắc bốn: 2 bối cảnh + 2 công tắc (Gem)- Grey 66E8009GTY-4D	2.223.900	3.530.000	2.209.667	3.883.000
63	66E8055GTY-4F	M7 Smart - 1 Gang Smart Switch(20A) (Gem)- White 66E8055MTY-4F	2.082.150	3.305.000	2.068.824	3.636.000
64	66E8055GTY-4D	M7 Smart - 1 Gang Smart Switch(20A) (Gem)- Grey 66E8055MTY-4D	2.082.150	3.305.000	2.068.824	3.636.000
65	66E8017GTY-4F	M7 Smart - Tunable White and Dimming Switch (Gem)- White 66E8017GTY-4F	1.934.730	3.071.000	1.922.348	3.378.000
66	66E8017GTY-4D	M7 Smart - Tunable White and Dimming Switch (Gem)- Gold 66E8017GTY-4D	1.934.730	3.071.000	1.922.348	3.378.000
67	66E8028GTY-4F	M7 Smart - Tunable White and Dimming Switch with screen (Gem)- White 66E8028GTY-4F	4.025.070	6.389.000	3.999.310	7.028.000
68	66E8028GTY-4D	M7 Smart - Tunable White and Dimming Switch with screen (Gem)- Grey 66E8028GTY-4D	4.025.070	6.389.000	3.999.310	7.028.000
69	66E7109GTY-4F	M7 Smart - Temperature Controller (Gem)- White 66E7109GTY-4F	4.221.000	6.700.000	4.193.986	7.370.000
70	66E7109GTY-4D	M7 Smart - Temperature Controller (Gem)- Grey 66E7109GTY-4D	4.221.000	6.700.000	4.193.986	7.370.000
71	66E7102GTY-4F	M7 Smart - Bộ Thermostat (Gem)- White 66E7102MTY-4F	3.717.000	5.900.000	3.693.211	6.490.000
72	66E7102GTY-4D	M7 Smart - Bộ Thermostat (Gem)- Grey 66E7102MTY-4D	3.717.000	5.900.000	3.693.211	6.490.000
3	I7 Smart		-			
1	70E855TY	I7 Smart - Công tắc đơn 20A 70E855TY	1.108.800	1.760.000	1.101.704	1.936.000
2	70E855TY-46	I7 Smart - Công tắc đơn 20A (champagne) 70E855TY-46	1.132.110	1.797.000	1.124.864	1.977.000
3	70E855TY-61	I7 Smart - Công tắc đơn 20A (grey) 70E855TY-61	1.132.110	1.797.000	1.124.864	1.977.000
4	70E850TY	I7 Smart - Module Công tắc đơn 70E850TY	1.246.140	1.978.000	1.238.165	2.176.000
5	70E850TY-46	I7 Smart - Module Công tắc đơn (champagne) 70E850TY-46	1.269.450	2.015.000	1.261.326	2.217.000
6	70E850TY-61	I7 Smart - Module Công tắc đơn (grey) 70E850TY-61	1.269.450	2.015.000	1.261.326	2.217.000
7	70E851TY	I7 Smart - Module Công tắc đôi 70E851TY	1.319.850	2.095.000	1.311.403	2.305.000
8	70E851TY-46	I7 Smart - Module Công tắc đôi (champagne) 70E851TY-46	1.343.160	2.132.000	1.334.564	2.345.000
9	70E851TY-61	I7 Smart - Module Công tắc đôi (grey) 70E851TY-61	1.343.160	2.132.000	1.334.564	2.345.000
10	70E852TY	I7 Smart - Module Công tắc ba 70E852TY	1.402.380	2.226.000	1.393.405	2.449.000
11	70E852TY-46	I7 Smart - Module Công tắc ba (champagne) 70E852TY-46	1.425.690	2.263.000	1.416.566	2.489.000
12	70E852TY-61	I7 Smart - Module Công tắc ba (grey) 70E852TY-61	1.425.690	2.263.000	1.416.566	2.489.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
13	70E856TY	I7 Smart - Công tắc dimmer, đơn (0/1-10V light) 70E856TY	1.348.830	2.141.000	1.340.197	2.355.000
14	70E856TY-46	I7 Smart - Công tắc dimmer, đơn (0/1-10V light) (champagne) 70E856TY-46	1.372.140	2.178.000	1.363.358	2.396.000
15	70E856TY-61	I7 Smart - Công tắc dimmer, đơn (0/1-10V light) (grey) 70E856TY-61	1.372.140	2.178.000	1.363.358	2.396.000
16	70E857TY	I7 Smart - Công tắc dimmer, đôi (0/1-10V light) 70E857TY	1.637.370	2.599.000	1.626.891	2.859.000
17	70E857TY-46	I7 Smart - Công tắc dimmer, đôi (0/1-10V light) (champagne) 70E857TY-46	1.660.680	2.636.000	1.650.052	2.900.000
18	70E857TY-61	I7 Smart - Công tắc dimmer, đôi (0/1-10V light) (grey) 70E857TY-61	1.660.680	2.636.000	1.650.052	2.900.000
19	70E853TY	I7 Smart - Công tắc điều chỉnh độ sáng 70E853TY	1.436.400	2.280.000	1.427.207	2.508.000
20	70E853TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc Tunable Dimming (champagne) 70E853TY-46	1.459.710	2.317.000	1.450.368	2.549.000
21	70E853TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc Tunable Dimming (grey) 70E853TY-61	1.459.710	2.317.000	1.450.368	2.549.000
22	70E7024TY	I7 Smart - Bộ điều khiển điều hòa trung tâm 70E7024TY	2.911.860	4.622.000	2.893.224	5.084.000
23	70E7024TY-46	I7 Smart - Bộ điều khiển điều hòa trung tâm (champagne) 70E7024TY-46	2.935.170	4.659.000	2.916.385	5.125.000
24	70E7024TY-61	I7 Smart - Bộ điều khiển điều hòa trung tâm (grey) 70E7024TY-61	2.935.170	4.659.000	2.916.385	5.125.000
25	70E7028TY	I7 Smart - Bộ điều khiển Ventilation System 70E7028TY	2.911.860	4.622.000	2.893.224	5.084.000
26	70E7028TY-46	I7 Smart - Bộ điều khiển Ventilation System (champagne) 70E7028TY-46	2.935.170	4.659.000	2.916.385	5.125.000
27	70E7028TY-61	I7 Smart - Bộ điều khiển Ventilation System (grey) 70E7028TY-61	2.935.170	4.659.000	2.916.385	5.125.000
28	70E7031TY	I7 Smart - Bộ điều khiển điều hòa trung tâm (VRV,485 Modbus) 70E7031TY	2.567.880	4.076.000	2.551.446	4.484.000
29	70E7031TY-46	I7 Smart - Bộ điều khiển điều hòa trung tâm (VRV,485 Modbus) (champagne) 70E7031TY-46	2.591.190	4.113.000	2.574.606	4.524.000
30	70E7031TY-61	I7 Smart - Bộ điều khiển điều hòa trung tâm (VRV,485 Modbus) (grey) 70E7031TY-61	2.591.190	4.113.000	2.574.606	4.524.000
31	70E8301TY	I7 Smart - Bộ công tắc đơn (Gen 3) 70E8301TY	859.950	1.365.000	854.446	1.502.000
32	70E8301TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc đơn (Gen 3) (champagne) 70E8301TY-46	883.260	1.402.000	877.607	1.542.000
33	70E8301TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc đơn (Gen 3) (grey) 70E8301TY-61	883.260	1.402.000	877.607	1.542.000
34	70E8302TY	I7 Smart - Bộ công tắc đôi (Gen 3) 70E8302TY	1.021.860	1.622.000	1.015.320	1.784.000
35	70E8302TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc đôi (Gen 3) (champagne) 70E8302TY-46	1.045.170	1.659.000	1.038.481	1.825.000
36	70E8302TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc đôi (Gen 3) (grey) 70E8302TY-61	1.045.170	1.659.000	1.038.481	1.825.000
37	70E8303TY	I7 Smart - Bộ công tắc ba (Gen 3) 70E8303TY	1.203.930	1.911.000	1.196.225	2.102.000
38	70E8303TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc ba (Gen 3) (champagne) 70E8303TY-46	1.227.240	1.948.000	1.219.386	2.143.000
39	70E8303TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc ba (Gen 3) (grey) 70E8303TY-61	1.227.240	1.948.000	1.219.386	2.143.000
40	70E8304TY	I7 Smart - Bộ công tắc bốn (Gen 3) 70E8304TY	1.314.180	2.086.000	1.305.769	2.295.000
41	70E8304TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc bốn (Gen 3) (champagne) 70E8304TY-46	1.337.490	2.123.000	1.328.930	2.335.000
42	70E8304TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc bốn (Gen 3) (grey) 70E8304TY-61	1.337.490	2.123.000	1.328.930	2.335.000
43	70E8309TY	I7 Smart - Bộ công tắc bốn: 2 bói cảnh + 2 công tắc (Gen 3) 70E8309TY	1.314.180	2.086.000	1.305.769	2.295.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
44	70E8309TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc bốn: 2 bối cảnh + 2 công tắc (Gen 3) (champagne) 70E8309TY-46	1.337.490	2.123.000	1.328.930	2.335.000
45	70E8309TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc bốn: 2 bối cảnh + 2 công tắc (Gen 3) (grey) 70E8309TY-61	1.337.490	2.123.000	1.328.930	2.335.000
46	70E8305TY	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đơn (Gen 3) 70E8305TY	900.900	1.430.000	895.134	1.573.000
47	70E8305TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đơn (Gen 3) (champagne) 70E8305TY-46	924.210	1.467.000	918.295	1.614.000
48	70E8305TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đơn (Gen 3) (grey) 70E8305TY-61	924.210	1.467.000	918.295	1.614.000
49	70E8306TY	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đôi (Gen 3) 70E8306TY	985.950	1.565.000	979.640	1.722.000
50	70E8306TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đôi (Gen 3) (champagne) 70E8306TY-46	1.009.260	1.602.000	1.002.801	1.762.000
51	70E8306TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh đôi (Gen 3) (grey) 70E8306TY-61	1.009.260	1.602.000	1.002.801	1.762.000
52	70E8307TY	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh ba (Gen 3) 70E8307TY	1.116.360	1.772.000	1.109.215	1.949.000
53	70E8307TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh ba (Gen 3) (champagne) 70E8307TY-46	1.139.670	1.809.000	1.132.376	1.990.000
54	70E8307TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh ba (Gen 3) (grey) 70E8307TY-61	1.139.670	1.809.000	1.132.376	1.990.000
55	70E8308TY	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh bốn (Gen 3) 70E8308TY	1.224.720	1.944.000	1.216.882	2.138.000
56	70E8308TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh bốn (Gen 3) (champagne) 70E8308TY-46	1.248.030	1.981.000	1.240.043	2.179.000
57	70E8308TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc bối cảnh bốn (Gen 3) (grey) 70E8308TY-61	1.248.030	1.981.000	1.240.043	2.179.000
58	70E8313TY	I7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đơn (Gen 3) 70E8313TY	1.415.610	2.247.000	1.406.550	2.472.000
59	70E8313TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đơn (Gen 3) (champagne) 70E8313TY-46	1.438.920	2.284.000	1.429.711	2.512.000
60	70E8313TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đơn (Gen 3) (grey) 70E8313TY-61	1.438.920	2.284.000	1.429.711	2.512.000
61	70E8314TY	I7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đôi (Gen 3) 70E8314TY	1.722.420	2.734.000	1.711.397	3.007.000
62	70E8314TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đôi (Gen 3) (champagne) 70E8314TY-46	1.745.730	2.771.000	1.734.557	3.048.000
63	70E8314TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc rèm cửa đôi (Gen 3) (grey) 70E8314TY-61	1.745.730	2.771.000	1.734.557	3.048.000
64	70E8315TY	I7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đơn (Gen 3) 70E8315TY	1.634.220	2.594.000	1.623.761	2.853.000
65	70E8315TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đơn (Gen 3) (champagne) 70E8315TY-46	1.657.530	2.631.000	1.646.922	2.894.000
66	70E8315TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đơn (Gen 3) (grey) 70E8315TY-61	1.657.530	2.631.000	1.646.922	2.894.000
67	70E8316TY	I7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đôi (Gen 3) 70E8316TY	2.010.330	3.191.000	1.997.464	3.510.000
68	70E8316TY-46	I7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đôi (Gen 3) (champagne) 70E8316TY-46	2.033.640	3.228.000	2.020.625	3.551.000
69	70E8316TY-61	I7 Smart - Bộ công tắc Dimmer đôi (Gen 3) (grey) 70E8316TY-61	2.033.640	3.228.000	2.020.625	3.551.000
70	70E901	I7 Smart - 1 Gang Smart Switch Module (KNX) 70E901	3.126.060	4.962.000	3.106.053	5.458.000
71	70E901-46	I7 Smart - 1 Gang Smart Switch Module (KNX) (champagne) 70E901-46	3.149.370	4.999.000	3.129.214	5.499.000
72	70E901-61	I7 Smart - 1 Gang Smart Switch Module (KNX) (grey) 70E901-61	3.149.370	4.999.000	3.129.214	5.499.000
73	70E902	I7 Smart - 2 Gang Smart Switch Module (KNX) 70E902	3.264.660	5.182.000	3.243.766	5.700.000
74	70E902-46	I7 Smart - 2 Gang Smart Switch Module (KNX) (champagne) 70E902-46	3.287.970	5.219.000	3.266.927	5.741.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
75	70E902-61	I7 Smart - 2 Gang Smart Switch Module (KNX) (grey) 70E902-61	3.287.970	5.219.000	3.266.927	5.741.000
76	70E903	I7 Smart - 3 Gang Smart Switch Module(KNX) 70E903	3.387.510	5.377.000	3.365.830	5.915.000
77	70E903-46	I7 Smart - 3 Gang Smart Switch Module(KNX) (champagne) 70E903-46	3.410.820	5.414.000	3.388.991	5.955.000
78	70E903-61	I7 Smart - 3 Gang Smart Switch Module(KNX) (grey) 70E903-61	3.410.820	5.414.000	3.388.991	5.955.000
79	70E904	I7 Smart - 4 Gang Smart Switch Module(KNX) 70E904	3.486.420	5.534.000	3.464.107	6.087.000
80	70E904-46	I7 Smart - 4 Gang Smart Switch Module(KNX) (champagne) 70E904-46	3.509.730	5.571.000	3.487.268	6.128.000
81	70E904-61	I7 Smart - 4 Gang Smart Switch Module(KNX) (grey) 70E904-61	3.509.730	5.571.000	3.487.268	6.128.000
82	70E7034	I7 Smart - Thermostat Module (KNX) 70E7034	5.622.750	8.925.000	5.586.764	9.818.000
83	70E7034-46	I7 Smart - Thermostat Module (Gold) (KNX) (champagne) 70E7034-46	5.646.060	8.962.000	5.609.925	9.858.000
84	70E7034-61	I7 Smart - Thermostat Module (Grey) (KNX) (grey) 70E7034-61	5.646.060	8.962.000	5.609.925	9.858.000
4	Other		-			
1	681808TY	Smart - Cổng kết nối (LAN)(SAAS) 681808TY	2.406.600	3.820.000	2.391.198	4.202.000
2	S00E0-S006	Smart - Camera 30 S00D0-S006	2.744.910	4.357.000	2.727.343	4.793.000
3	S00E0-S008	Smart - TY cloud- Cổng kết nối (LAN) S00E0-S008	2.216.970	3.519.000	2.202.781	3.871.000
4	S00E0-S009	Smart - Cổng kết nối (WIFI) S00E0-S009	1.558.620	2.474.000	1.548.645	2.721.000
5	S00E0-S010	Smart - Cảm biến chuyển động PIR thông minh (Zigbee) S00E0-S010	939.330	1.491.000	933.318	1.640.000
6	S00E0-S011	Smart - Cảm biến nhiệt độ và độ ẩm S00E0-S011	740.880	1.176.000	736.138	1.294.000
7	S00E0-S012	Smart - Cảm biến từ tính cho cửa S00E0-S012	826.560	1.312.000	821.270	1.443.000
8	S00E0-S013	Smart - Nút nhấn khẩn cấp (Zigbee) S00E0-S013	919.800	1.460.000	913.913	1.606.000
9	S00E0-S014	Smart - Cảm biến rung (Zigbee) S00E0-S014	1.204.560	1.912.000	1.196.851	2.103.000
10	S00E0-S016	Smart - Điều khiển từ xa hồng ngoại S00E0-S016	684.180	1.086.000	679.801	1.195.000
11	S00E0-S017	Smart - Bộ điều khiển từ xa, cảm biến hồng ngoại S00E0-S017	1.372.770	2.179.000	1.363.984	2.397.000
12	S2200-0901	Smart - Cảm biến dò khí Gas S2200-0901	1.521.450	2.415.000	1.511.713	2.657.000
13	S2200-0902	Smart - Cảm biến báo cháy S2200-0902	1.422.540	2.258.000	1.413.436	2.484.000
14	S2200-0903	Smart - Cảm biến dò rỉ nước S2200-0903	1.137.780	1.806.000	1.130.498	1.987.000
15	S00E0-S023	Smart - Động cơ rèm (wifi) S00E0-S023	2.640.960	4.192.000	2.624.058	4.611.000
16	S00E0-S025	Smart - Motor cho rèm cửa thông minh S00E0-S025	3.042.900	4.830.000	3.023.425	5.313.000
17	S00E0-S024	Smart - Chuông cửa (wifi) S00E0-S024	3.572.730	5.671.000	3.549.865	6.238.000
18	S00E0-S028	Smart - Chuông cửa video (wifi) S00E0-S028	7.409.430	11.761.000	7.362.010	12.937.000
19	S00E0-S029	Smart - Cảm biến nhận diện (Zigbee) S00E0-S029	3.109.050	4.935.000	3.089.152	5.429.000
20	S00E0-S039	Smart - Cảm biến thông minh S00E0-S039	3.026.520	4.804.000	3.007.150	5.284.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
21	S00E0-S043	Smart - Thanh rèm cửa (1.2m-2m) S00E0-S043	1.786.050	2.835.000	1.774.619	3.119.000
22	S00E0-S044	Smart - Thanh rèm cửa (1.76m-3m) S00E0-S044	2.632.770	4.179.000	2.615.920	4.597.000
23	S00E0-S045	Smart - Thanh rèm cửa 2.26m-4m) S00E0-S045	3.572.100	5.670.000	3.549.239	6.237.000
24	S00E0-S046	Smart - Thanh rèm cửa (2.76m-5m) S00E0-S046	4.432.680	7.036.000	4.404.311	7.740.000
25	S2200-0720	Smart - Cổng kết nối điều hoà S2200-0720	7.988.400	12.680.000	7.937.274	13.948.000
26	S2200-0722	Smart - Cổng kết nối điều hoà S2200-0722	7.988.400	12.680.000	7.937.274	13.948.000
27	S2200-0723	Smart - Central-AC gateway module S2200-0723	8.751.330	13.891.000	8.695.321	15.280.000
28	S00E0-S061	Smart - Home Padpro 10 Inch with ZigBee&BLE Gateway (LAN cable) S00E0-	29.172.780	46.306.000	28.986.074	50.937.000
29	S00E0-S062	Smart - Door station (Villa) (POE) S00E0-S062	14.883.750	23.625.000	14.788.494	25.988.000
30	S00E0-S040	Smart - Docking AC Gateway (VRF) S00E0-S040	14.222.250	22.575.000	14.131.228	24.833.000
31	S00E0-S041	Smart - Docking AC Mini Gateway (VRF) S00E0-S041	5.014.170	7.959.000	4.982.079	8.755.000
II	CÔNG TẮC Ô CẢM		-			
1	Series M7		-			
1	661011	M7 Air - Bộ công tắc đơn 1 chiều 661011	139.230	221.000	138.339	243.000
2	661011-6R	M7 Air - Bộ công tắc đơn 1 chiều (Silver) 661011-6R	163.800	260.000	162.752	286.000
3	661011-6Q	M7 Air - Bộ công tắc đơn 1 chiều (Grey) 661011-6Q	163.800	260.000	162.752	286.000
4	661012	M7 Air - Bộ công tắc đơn 2 chiều 661012	162.540	258.000	161.500	284.000
5	661012-6R	M7 Air - Bộ công tắc đơn 2 chiều (Silver) 661012-6R	187.110	297.000	185.912	327.000
6	661012-6Q	M7 Air - Bộ công tắc đơn 2 chiều (Grey) 661012-6Q	187.110	297.000	185.912	327.000
7	661026	M7 Air - Bộ công tắc trung gian đơn 661026	306.180	486.000	304.220	535.000
8	661026-6R	M7 Air - Bộ công tắc trung gian đơn (Silver) 661026-6R	330.750	525.000	328.633	578.000
9	661026-6Q	M7 Air - Bộ công tắc trung gian đơn (Grey) 661026-6Q	330.750	525.000	328.633	578.000
10	662023	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED 662023	533.610	847.000	530.195	932.000
11	662023-6R	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (Silver) 662023-6R	558.180	886.000	554.608	975.000
12	662023-6Q	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (Grey) 662023-6Q	558.180	886.000	554.608	975.000
13	661021F	M7 Air - Bộ nút nhấn đôi (16AX 250V) 661021F	228.690	363.000	227.226	399.000
14	661021F-6R	M7 Air - Bộ nút nhấn đôi (16AX 250V) (Silver) 661021F-6R	253.260	402.000	251.639	442.000
15	661021F-6Q	M7 Air - Bộ nút nhấn đôi (16AX 250V) (Grey) 661021F-6Q	253.260	402.000	251.639	442.000
16	662024	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED 662024	642.600	1.020.000	638.487	1.122.000
17	662024-6R	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (Silver) 662024-6R	667.170	1.059.000	662.900	1.165.000
18	662024-6Q	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (Grey) 662024-6Q	667.170	1.059.000	662.900	1.165.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
19	662025	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (With earth bond) 662025	550.620	874.000	547.096	961.000
20	662025-6R	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (With earth bond) (Silver) 662025	575.190	913.000	571.509	1.004.000
21	662025-6Q	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (With earth bond) (Grey) 662025-	575.190	913.000	571.509	1.004.000
22	662026	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (With earth bond) 662026	659.610	1.047.000	655.388	1.152.000
23	662026-6R	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (With earth bond) (Silver)	684.180	1.086.000	679.801	1.195.000
24	662026-6Q	M7 Air - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (With earth bond) (Grey) (684.180	1.086.000	679.801	1.195.000
25	661021	M7 Air - Bộ công tắc đôi 1 chiều 661021	231.210	367.000	229.730	404.000
26	661021-6R	M7 Air - Bộ công tắc đôi 1 chiều (Silver) 661021-6R	255.780	406.000	254.143	447.000
27	661021-6Q	M7 Air - Bộ công tắc đôi 1 chiều (Grey) 661021-6Q	255.780	406.000	254.143	447.000
28	661022	M7 Air - Bộ công tắc đôi 2 chiều 661022	251.370	399.000	249.761	439.000
29	661022-6R	M7 Air - Bộ công tắc đôi 2 chiều (Silver) 661022-6R	275.940	438.000	274.174	482.000
30	661022-6Q	M7 Air - Bộ công tắc đôi 2 chiều (Grey) 661022-6Q	275.940	438.000	274.174	482.000
31	661046	M7 Air - Bộ công tắc trung gian đôi 661046	473.760	752.000	470.728	827.000
32	661046-6R	M7 Air - Bộ công tắc trung gian đôi (Silver) 661046-6R	498.330	791.000	495.141	870.000
33	661046-6Q	M7 Air - Bộ công tắc trung gian đôi (Grey) 661046-6Q	498.330	791.000	495.141	870.000
34	661031	M7 Air - Bộ công tắc ba 1 chiều 661031	294.210	467.000	292.327	514.000
35	661031-6R	M7 Air - Bộ công tắc ba 1 chiều (Silver) 661031-6R	318.780	506.000	316.740	557.000
36	661031-6Q	M7 Air - Bộ công tắc ba 1 chiều (Grey) 661031-6Q	318.780	506.000	316.740	557.000
37	661032	M7 Air - Bộ công tắc ba 2 chiều 661032	342.090	543.000	339.901	597.000
38	661032-6R	M7 Air - Bộ công tắc ba 2 chiều (Silver) 661032-6R	366.660	582.000	364.313	640.000
39	661032-6Q	M7 Air - Bộ công tắc ba 2 chiều (Grey) 661032-6Q	366.660	582.000	364.313	640.000
40	661041	M7 Air - Bộ công tắc bốn 1 chiều 661041	414.540	658.000	411.887	724.000
41	661041-6R	M7 Air - Bộ công tắc bốn 1 chiều (Silver) 661041-6R	439.110	697.000	436.300	767.000
42	661041-6Q	M7 Air - Bộ công tắc bốn 1 chiều (Grey) 661041-6Q	439.110	697.000	436.300	767.000
43	661042	M7 Air - Bộ công tắc bốn 2 chiều 661042	505.260	802.000	502.026	882.000
44	661042-6R	M7 Air - Bộ công tắc bốn 2 chiều (Silver) 661042-6R	529.830	841.000	526.439	925.000
45	661042-6Q	M7 Air - Bộ công tắc bốn 2 chiều (Grey) 661042-6Q	529.830	841.000	526.439	925.000
46	666301	M7 Air - Bộ công tắc chuông cửa 666301	173.250	275.000	172.141	303.000
47	666301-6R	M7 Air - Bộ công tắc chuông cửa (Silver) 666301-6R	197.820	314.000	196.554	345.000
48	666301-6Q	M7 Air - Bộ công tắc chuông cửa (Grey) 666301-6Q	197.820	314.000	196.554	345.000
49	661011F	M7 Air - Bộ nút nhấn đơn (16AX 250V) 661011F	151.200	240.000	150.232	264.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
50	661011F-6R	M7 Air - Bộ nút nhấn đơn (16AX 250V) (Silver) 661011F-6R	175.770	279.000	174.645	307.000
51	661011F-6Q	M7 Air - Bộ nút nhấn đơn (16AX 250V) (Grey) 661011F-6Q	175.770	279.000	174.645	307.000
52	661080	M7 Air - Bộ ổ cắm 2 châu + 3 châu đa năng (10A 250V) 661080	250.740	398.000	249.135	438.000
53	661080-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm 2 châu + 3 châu đa năng (10A 250V) (Silver) 661080-6R	275.310	437.000	273.548	481.000
54	661080-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm 2 châu + 3 châu đa năng (10A 250V) (Grey) 661080-6Q	275.310	437.000	273.548	481.000
55	661089	M7 Air - Bộ ổ cắm 3 châu đa năng + công tắc (13A 250V) 661089	292.320	464.000	290.449	510.000
56	661089-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm 3 châu đa năng + công tắc (13A 250V) (Silver) 661089-6R	316.890	503.000	314.862	553.000
57	661089-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm 3 châu đa năng + công tắc (13A 250V) (Grey) 661089-6Q	316.890	503.000	314.862	553.000
58	661287	M7 Air - Bộ ổ cắm đôi 3 châu (16A 250V) 661287	350.280	556.000	348.038	612.000
59	661287-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm đôi 3 châu (16A 250V) (Silver) 661089-6R	374.850	595.000	372.451	655.000
60	661287-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm đôi 3 châu (16A 250V) (Grey) 661089-6Q	374.850	595.000	372.451	655.000
61	661687	M7 Air - Bộ ổ cắm Schuko 661687	247.590	393.000	246.005	432.000
62	661687-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm Schuko (Silver) 661687-6R	272.160	432.000	270.418	475.000
63	661687-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm Schuko (Grey) 661687-6Q	272.160	432.000	270.418	475.000
64	66E7253	M7 Air - Bộ ổ cắm đa năng kèm USB và A+C 66E7253	1.442.070	2.289.000	1.432.841	2.518.000
65	66E7253-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm đa năng kèm USB và A+C (Silver) 66E7253	1.466.640	2.328.000	1.457.254	2.561.000
66	66E7253-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm đa năng kèm USB và A+C (Grey) 66E7253	1.466.640	2.328.000	1.457.254	2.561.000
67	66E7251	M7 Air - Bộ ổ cắm đôi 3 châu kèm USB và A+C 66E7251	1.368.990	2.173.000	1.360.228	2.390.000
68	66E7251-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm đôi 3 châu kèm USB và A+C (Silver) 66E7251-6R	1.393.560	2.212.000	1.384.641	2.433.000
69	66E7251-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm đôi 3 châu kèm USB và A+C (Grey) 66E7251-6Q	1.393.560	2.212.000	1.384.641	2.433.000
70	66E722	M7 Air - Bộ ổ USB(5V 2.4A)+TYPE-C(65W) 66E722	2.738.610	4.347.000	2.721.083	4.782.000
71	66E722-6R	M7 Air - Bộ ổ USB(5V 2.4A)+TYPE-C(65W) (Silver) 66E722-6R	2.763.180	4.386.000	2.745.496	4.825.000
72	66E722-6Q	M7 Air - Bộ ổ USB(5V 2.4A)+TYPE-C(65W) (Grey) 66E722-6Q	2.763.180	4.386.000	2.745.496	4.825.000
73	665111	M7 Air - Bộ ổ cắm TV 665111	226.800	360.000	225.348	396.000
74	665111-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm TV (Silver) 665111-6R	251.370	399.000	249.761	439.000
75	665111-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm TV (Grey) 665111-6Q	251.370	399.000	249.761	439.000
76	665214	M7 Air - Bộ ổ cắm điện thoại 665214	178.920	284.000	177.775	312.000
77	665214-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm điện thoại (Silver) 665214-6R	203.490	323.000	202.188	355.000
78	665214-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm điện thoại (Grey) 665214-6Q	203.490	323.000	202.188	355.000
79	665218	M7 Air - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đơn 665218	321.300	510.000	319.244	561.000
80	665218-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đơn (Silver) 665218-6R	345.870	549.000	343.656	604.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
81	665218-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đơn (Grey) 665218-6Q	345.870	549.000	343.656	604.000
82	665228	M7 Air - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đôi 665228	533.610	847.000	530.195	932.000
83	665228-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đôi (Silver) 665228-6R	558.180	886.000	554.608	975.000
84	665228-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đôi (Grey) 665228-6Q	558.180	886.000	554.608	975.000
85	665229	M7 Air - Bộ ổ cắm điện thoại + mạng Cat6 665229	492.030	781.000	488.881	859.000
86	665229-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm điện thoại + mạng Cat6 (Silver) 665229-6R	516.600	820.000	513.294	902.000
87	665229-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm điện thoại + mạng Cat6 (Grey) 665229-6Q	516.600	820.000	513.294	902.000
88	665302	M7 Air - Bộ ổ cắm TV+ mạng Cat6 665302	444.780	706.000	441.933	777.000
89	665302-6R	M7 Air - Bộ ổ cắm TV+ mạng Cat6 (Silver) 665302-6R	469.350	745.000	466.346	820.000
90	665302-6Q	M7 Air - Bộ ổ cắm TV+ mạng Cat6 (Grey) 665302-6Q	469.350	745.000	466.346	820.000
91	66E732	M7 Air - Bộ đèn chân tường 3000K 66E732	645.120	1.024.000	640.991	1.126.000
92	66E732-6R	M7 Air - Bộ đèn chân tường 3000K (Silver) 66E732-6R	669.690	1.063.000	665.404	1.169.000
93	66E732-6Q	M7 Air - Bộ đèn chân tường 3000K (Grey) 66E732-6Q	669.690	1.063.000	665.404	1.169.000
94	661000	M7 Air - Mặt che tron 661000	66.150	105.000	65.727	116.000
95	661000-6R	M7 Air - Mặt che tron (Silver) 661000-6R	90.720	144.000	90.139	158.000
96	661000-6Q	M7 Air - Mặt che tron (Grey) 661000-6Q	90.720	144.000	90.139	158.000
97	665200	M7 Air - Mặt lỗ luồn dây 665200	69.300	110.000	68.856	121.000
98	665200-6R	M7 Air - Mặt lỗ luồn dây (Silver) 665200-6R	93.870	149.000	93.269	164.000
99	665200-6Q	M7 Air - Mặt lỗ luồn dây (Grey) 665200-6Q	93.870	149.000	93.269	164.000
100	660820	M7 Air - Khung đôi 660820	33.390	53.000	33.176	58.000
101	660820-6R	M7 Air - Khung đôi (Silver) 660820-6R	57.960	92.000	57.589	101.000
102	660820-6Q	M7 Air - Khung đôi (Grey) 660820-6Q	57.960	92.000	57.589	101.000
103	660830	M7 Air - Khung ba 660830	42.840	68.000	42.566	75.000
104	660830-6R	M7 Air - Khung ba (Silver) 660830-6R	67.410	107.000	66.979	118.000
105	660830-6Q	M7 Air - Khung ba (Grey) 660830-6Q	67.410	107.000	66.979	118.000
106	660840	M7 Air - Khung bốn 660840	54.180	86.000	53.833	95.000
107	660840-6R	M7 Air - Khung bốn (Silver) 660840-6R	78.750	125.000	78.246	138.000
108	660840-6Q	M7 Air - Khung bốn (Grey) 660840-6Q	78.750	125.000	78.246	138.000
109	660850	M7 Air - Khung 5 660850	78.120	124.000	77.620	136.000
110	660850-6R	M7 Air - Khung 5 (Silver) 660850-6R	102.690	163.000	102.033	179.000
111	660850-6Q	M7 Air - Khung 5 (Grey) 660850-6Q	102.690	163.000	102.033	179.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
112	661011M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc đơn 1 chiều (Grey) 661011M-2B	267.120	424.000	265.410	466.000
113	661011M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc đơn 1 chiều (Gold) 661011M-2C	267.120	424.000	265.410	466.000
114	661012M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc đơn 2 chiều (Grey) 661012M-2B	310.590	493.000	308.602	542.000
115	661012M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc đơn 2 chiều (Gold) 661012M-2C	310.590	493.000	308.602	542.000
116	661026M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc trung gian đơn (Grey) 661026M-2B	507.780	806.000	504.530	887.000
117	661026M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc trung gian đơn (Gold) 661026M-2C	507.780	806.000	504.530	887.000
118	662023M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (Grey) 662023M-2B	1.016.190	1.613.000	1.009.686	1.774.000
119	662023M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (Gold) 662023M-2C	1.016.190	1.613.000	1.009.686	1.774.000
120	661021FM-2B	M7 Metal - Bộ nút nhấn đôi (16AX 250V) (Grey) 661021FM-2B	434.070	689.000	431.292	758.000
121	661021FM-2C	M7 Metal - Bộ nút nhấn đôi (16AX 250V) (Gold) 661021FM-2C	434.070	689.000	431.292	758.000
122	662024M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (Grey) 662024M-2B	1.136.520	1.804.000	1.129.246	1.984.000
123	662024M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (Gold) 662024M-2C	1.136.520	1.804.000	1.129.246	1.984.000
124	662025M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (With earth bond) (Grey) 662025M-2B	1.050.210	1.667.000	1.043.489	1.834.000
125	662025M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (With earth bond) (Gold) 662025M-2C	1.050.210	1.667.000	1.043.489	1.834.000
126	662026M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (With earth bond) (Grey) 662026M-2B	1.256.220	1.994.000	1.248.180	2.193.000
127	662026M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (With earth bond) (Gold) 662026M-2C	1.256.220	1.994.000	1.248.180	2.193.000
128	661021M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc đôi 1 chiều (Grey) 661021M-2B	439.110	697.000	436.300	767.000
129	661021M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc đôi 1 chiều (Gold) 661021M-2C	439.110	697.000	436.300	767.000
130	661022M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc đôi 2 chiều (Grey) 661022M-2B	478.800	760.000	475.736	836.000
131	661022M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc đôi 2 chiều (Gold) 661022M-2C	478.800	760.000	475.736	836.000
132	661046M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc trung gian đôi (Grey) 661046M-2B	669.060	1.062.000	664.778	1.168.000
133	661046M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc trung gian đôi (Gold) 661046M-2C	669.060	1.062.000	664.778	1.168.000
134	661031M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc ba 1 chiều (Grey) 661031M-2B	561.960	892.000	558.363	981.000
135	661031M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc ba 1 chiều (Gold) 661031M-2C	561.960	892.000	558.363	981.000
136	661032M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc ba 2 chiều (Grey) 661032M-2B	648.900	1.030.000	644.747	1.133.000
137	661032M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc ba 2 chiều (Gold) 661032M-2C	648.900	1.030.000	644.747	1.133.000
138	661041M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc bốn 1 chiều (Grey) 661041M-2B	791.910	1.257.000	786.842	1.383.000
139	661041M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc bốn 1 chiều (Gold) 661041M-2C	791.910	1.257.000	786.842	1.383.000
140	661042M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc bốn 2 chiều (Grey) 661042M-2B	960.750	1.525.000	954.601	1.678.000
141	661042M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc bốn 2 chiều (Gold) 661042M-2C	960.750	1.525.000	954.601	1.678.000
142	666301M-2B	M7 Metal - Bộ công tắc chuông cửa (Grey) 666301M-2B	330.120	524.000	328.007	576.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
143	666301M-2C	M7 Metal - Bộ công tắc chuông cửa (Gold) 666301M-2C	330.120	524.000	328.007	576.000
144	661011FM-2B	M7 Metal - Bộ nút nhấn đơn (16AX 250V) (Grey) 661011FM-2B	286.650	455.000	284.815	501.000
145	661011FM-2C	M7 Metal - Bộ nút nhấn đơn (16AX 250V) (Gold) 661011FM-2C	286.650	455.000	284.815	501.000
146	661080M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm 2 chấu + 3 chấu đa năng (10A 250V) (Grey) 661080M-2B	488.880	776.000	485.751	854.000
147	661080M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm 2 chấu + 3 chấu đa năng (10A 250V) (Gold) 661080M-2C	488.880	776.000	485.751	854.000
148	661089M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm 3 chấu đa năng + công tắc (13A 250V) (Grey) 661089M-2B	708.120	1.124.000	703.588	1.236.000
149	661089M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm 3 chấu đa năng + công tắc (13A 250V) (Gold) 661089M-2C	708.120	1.124.000	703.588	1.236.000
150	661087M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm đơn 3 chấu (Grey) 661087M-2B	393.120	624.000	390.604	686.000
151	661087M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm đơn 3 chấu (Gold) 661087M-2C	393.120	624.000	390.604	686.000
152	661287M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm đôi 3 chấu (Grey) 661287M-2B	671.580	1.066.000	667.282	1.173.000
153	661287M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm đôi 3 chấu (Gold) 661287M-2C	671.580	1.066.000	667.282	1.173.000
154	661382M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm kiểu anh 13A (Grey) 661382M-2B	495.810	787.000	492.637	866.000
155	661382M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm kiểu anh 13A (Gold) 661382M-2C	495.810	787.000	492.637	866.000
156	661687M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm Schuko (Grey) 661687M-2B	448.560	712.000	445.689	783.000
157	661687M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm Schuko (Gold) 661687M-2C	448.560	712.000	445.689	783.000
158	66E7253M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm đa năng kèm USB và A+C (Grey) 66E7253M-2B	1.823.220	2.894.000	1.811.551	3.183.000
159	66E7253M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm đa năng kèm USB và A+C (Gold) 66E7253M-2C	1.823.220	2.894.000	1.811.551	3.183.000
160	66E7251M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm đôi 3 chấu kèm USB và A+C (Grey) 66E7251M-2B	1.506.960	2.392.000	1.497.315	2.631.000
161	66E7251M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm đôi 3 chấu kèm USB và A+C (Gold) 66E7251M-2C	1.506.960	2.392.000	1.497.315	2.631.000
162	665111M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm TV (Grey) 665111M-2B	422.100	670.000	419.399	737.000
163	665111M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm TV (Gold) 665111M-2C	422.100	670.000	419.399	737.000
164	665214M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm điện thoại (RJ11) (Grey) 665214M-2B	333.900	530.000	331.763	583.000
165	665214M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm điện thoại (RJ11) (Gold) 665214M-2C	333.900	530.000	331.763	583.000
166	665218M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đơn (Grey) 665218M-2B	608.580	966.000	604.685	1.063.000
167	665218M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đơn (Gold) 665218M-2C	608.580	966.000	604.685	1.063.000
168	665228M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đôi (Grey) 665228M-2B	817.110	1.297.000	811.880	1.427.000
169	665228M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đôi (Gold) 665228M-2C	817.110	1.297.000	811.880	1.427.000
170	665229M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm điện thoại + mạng Cat6 (Grey) 665229M-2B	780.570	1.239.000	775.574	1.363.000
171	665229M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm điện thoại + mạng Cat6 (Gold) 665229M-2C	780.570	1.239.000	775.574	1.363.000
172	665302M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm TV + mạng Cat6 (Grey) 665302M-2B	764.820	1.214.000	759.925	1.335.000
173	665302M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm TV + mạng Cat6 (Gold) 665302M-2C	764.820	1.214.000	759.925	1.335.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
174	665114M-2B	M7 Metal - Bộ ổ cắm TV chuẩn F (Grey) 665114M-2B	403.200	640.000	400.620	704.000
175	665114M-2C	M7 Metal - Bộ ổ cắm TV chuẩn F (Gold) 665114M-2C	403.200	640.000	400.620	704.000
176	661000M-2B	M7 Metal - Bộ nút che tron (Grey) 661000M-2B	137.970	219.000	137.087	241.000
177	661000M-2C	M7 Metal - Bộ nút che tron (Gold) 661000M-2C	137.970	219.000	137.087	241.000
178	665901M-2B	M7 Metal - Bộ nút khẩn cấp (Grey) 665901M-2B	485.730	771.000	482.621	848.000
179	665901M-2C	M7 Metal - Bộ nút khẩn cấp (Gold) 665901M-2C	485.730	771.000	482.621	848.000
180	661011G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc đơn 1 chiều 661011G-4F	267.120	424.000	265.410	466.000
181	661011G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc đơn 1 chiều (Grey) 661011G-4D	267.120	424.000	265.410	466.000
182	661012G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc đơn 2 chiều 661012G-4F	310.590	493.000	308.602	542.000
183	661012G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc đơn 2 chiều (Grey) 661012G-4D	310.590	493.000	308.602	542.000
184	661026G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc trung gian đơn 661026G-4F	507.780	806.000	504.530	887.000
185	661026G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc trung gian đơn (Grey) 661026G-4D	507.780	806.000	504.530	887.000
186	662023G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED 662023G-4F	1.016.190	1.613.000	1.009.686	1.774.000
187	662023G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (Grey) 662023G-4D	1.016.190	1.613.000	1.009.686	1.774.000
188	661021FG-4F	M7 Gem - Bộ nút nhấn đôi (16AX 250V) 661021FG-4F	434.070	689.000	431.292	758.000
189	661021FG-4D	M7 Gem - Bộ nút nhấn đôi (16AX 250V) (Grey) 661021FG-4D	434.070	689.000	431.292	758.000
190	662024G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED 662024G-4F	1.136.520	1.804.000	1.129.246	1.984.000
191	662024G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED 662024G-4F	1.136.520	1.804.000	1.129.246	1.984.000
192	662025G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (With earth bond) 662025G-4F	1.050.210	1.667.000	1.043.489	1.834.000
193	662025G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực có đèn LED (With earth bond) (Grey) 662025G-4D	1.050.210	1.667.000	1.043.489	1.834.000
194	662026G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (With earth bond) 662026G-4F	1.256.220	1.994.000	1.248.180	2.193.000
195	662026G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc 20A 2 cực 2 chiều có đèn LED (With earth bond) (Grey) 662026G-4D	1.256.220	1.994.000	1.248.180	2.193.000
196	661021G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc đôi 1 chiều 661021G-4F	439.110	697.000	436.300	767.000
197	661021G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc đôi 1 chiều (Grey) 661021G-4D	439.110	697.000	436.300	767.000
198	661022G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc đôi 2 chiều 661022G-4F	478.800	760.000	475.736	836.000
199	661022G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc đôi 2 chiều (Grey) 661022G-4D	478.800	760.000	475.736	836.000
200	661046G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc trung gian đôi 661046G-4F	669.060	1.062.000	664.778	1.168.000
201	661046G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc trung gian đôi (Grey) 661046G-4D	669.060	1.062.000	664.778	1.168.000
202	661031G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc ba 1 chiều 661031G-4F	561.960	892.000	558.363	981.000
203	661031G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc ba 1 chiều (Grey) 661031G-4D	561.960	892.000	558.363	981.000
204	661032G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc ba 2 chiều 661032G-4F	648.900	1.030.000	644.747	1.133.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
205	661032G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc ba 2 chiều (Grey) 661032G-4D	648.900	1.030.000	644.747	1.133.000
206	661041G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc bốn 1 chiều 661041G-4F	791.910	1.257.000	786.842	1.383.000
207	661041G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc bốn 1 chiều (Grey) 661041G-4D	791.910	1.257.000	786.842	1.383.000
208	661042G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc bốn 2 chiều 661042G-4F	960.750	1.525.000	954.601	1.678.000
209	661042G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc bốn 2 chiều (Grey) 661042G-4D	960.750	1.525.000	954.601	1.678.000
210	666301G-4F	M7 Gem - Bộ công tắc chuông cửa 666301G-4F	330.120	524.000	328.007	576.000
211	666301G-4D	M7 Gem - Bộ công tắc chuông cửa (Grey) 666301G-4D	330.120	524.000	328.007	576.000
212	661011FG-4F	M7 Gem - Bộ nút nhấn đơn (16AX 250V) 661011FG-4F	286.650	455.000	284.815	501.000
213	661011FG-4D	M7 Gem - Bộ nút nhấn đơn (16AX 250V) (Grey) 661011FG-4D	286.650	455.000	284.815	501.000
214	661080G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm 2 châu + 3 châu đa năng (10A 250V) 661080G-4F	488.880	776.000	485.751	854.000
215	661080G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm 2 châu + 3 châu đa năng (10A 250V) (Grey) 661080G-4D	488.880	776.000	485.751	854.000
216	661089G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm 3 châu đa năng + công tắc (13A 250V)	708.120	1.124.000	703.588	1.236.000
217	661089G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm 3 châu đa năng + công tắc (13A 250V) (Grey)	708.120	1.124.000	703.588	1.236.000
218	661287G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm đôi 3 châu 661287G-4F	671.580	1.066.000	667.282	1.173.000
219	661287G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm đôi 3 châu (Grey) 661287G-4D	671.580	1.066.000	667.282	1.173.000
220	661382G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm kiểu anh 13A 661382G-4F	495.810	787.000	492.637	866.000
221	661382G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm kiểu anh 13A (Grey) 661382G-4D	495.810	787.000	492.637	866.000
222	661687G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm Schuko 661687G-4F	448.560	712.000	445.689	783.000
223	661687G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm Schuko (Grey) 661687G-4D	448.560	712.000	445.689	783.000
224	66E7253G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm đa năng kèm USB và A+C 66E7253G-4F	1.823.220	2.894.000	1.811.551	3.183.000
225	66E7253G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm đa năng kèm USB và A+C (4D- Grey 66E7253G-4D	1.823.220	2.894.000	1.811.551	3.183.000
226	66E7251G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm đôi 3 châu kèm USB và A+C 66E7251G-4F	1.506.960	2.392.000	1.497.315	2.631.000
227	66E7251G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm đôi 3 châu kèm USB và A+C (Grey) 66E7251G-4D	1.506.960	2.392.000	1.497.315	2.631.000
228	665111G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm TV 665111G-4F	422.100	670.000	419.399	737.000
229	665111G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm TV (Grey) 665111G-4D	422.100	670.000	419.399	737.000
230	665214G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm điện thoại (RJ11) 665214G-4F	333.900	530.000	331.763	583.000
231	665214G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm điện thoại (RJ11) (Grey) 665214G-4D	333.900	530.000	331.763	583.000
232	665218G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đơn 665218G-4F	608.580	966.000	604.685	1.063.000
233	665218G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đơn (Grey) 665218G-4D	608.580	966.000	604.685	1.063.000
234	665228G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đôi 665228G-4F	817.110	1.297.000	811.880	1.427.000
235	665228G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm mạng Cat6 đôi (Grey) 665228G-4D	817.110	1.297.000	811.880	1.427.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
236	665229G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm điện thoại + mạng Cat6 665229G-4F	780.570	1.239.000	775.574	1.363.000
237	665229G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm điện thoại + mạng Cat6 (Grey) 665229G-4D	780.570	1.239.000	775.574	1.363.000
238	665302G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm TV + mạng Cat6 665302G-4F	764.820	1.214.000	759.925	1.335.000
239	665302G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm TV + mạng Cat6 (Grey) 665302G-4D	764.820	1.214.000	759.925	1.335.000
240	665114G-4F	M7 Gem - Bộ ổ cắm TV chuẩn F 665114G-4F	403.200	640.000	400.620	704.000
241	665114G-4D	M7 Gem - Bộ ổ cắm TV chuẩn F (Grey) 665114G-4D	403.200	640.000	400.620	704.000
242	661000G-4F	M7 Gem - Bộ nút che tron 661000G-4F	137.970	219.000	137.087	241.000
243	661000G-4D	M7 Gem - Bộ nút che tron (Grey) 661000G-4D	137.970	219.000	137.087	241.000
244	665901G-4F	M7 Gem - Bộ nút khăn cấp 665901G-4F	485.730	771.000	482.621	848.000
245	665901G-4D	M7 Gem - Bộ nút khăn cấp (Grey) 665901G-4D	485.730	771.000	482.621	848.000
2	Series I7		-			
1	701011	I7 - Module công tắc đơn, một chiều 701011	83.160	132.000	82.628	145.000
2	701011-46	I7 - Module công tắc đơn, một chiều (Champagne) 701011-46	106.470	169.000	105.789	186.000
3	701011-61	I7 - Module công tắc đơn, một chiều (Grey) 701011-61	106.470	169.000	105.789	186.000
4	701012	I7 - Module công tắc đơn, hai chiều 701012	100.170	159.000	99.529	175.000
5	701012-46	I7 - Module công tắc đơn, hai chiều (Champagne) 701012-46	123.480	196.000	122.690	216.000
6	701012-61	I7 - Module công tắc đơn, hai chiều (Grey) 701012-61	123.480	196.000	122.690	216.000
7	701013	I7 - Module công tắc đơn, một chiều có đèn LED 701013	167.580	266.000	166.507	293.000
8	701013-46	I7 - Module công tắc đơn, một chiều có đèn LED (Champagne) 701013-46	190.890	303.000	189.668	333.000
9	701013-61	I7 - Module công tắc đơn, một chiều có đèn LED (Grey) 701013-61	190.890	303.000	189.668	333.000
10	701014	I7 - Module công tắc đơn, hai chiều có đèn LED 701014	199.080	316.000	197.806	348.000
11	701014-46	I7 - Module công tắc đơn, hai chiều có đèn LED (Champagne) 701014-46	222.390	353.000	220.967	388.000
12	701014-61	I7 - Module công tắc đơn, hai chiều có đèn LED (Grey) 701014-61	222.390	353.000	220.967	388.000
13	701026	I7 - Module công tắc trung gian đơn 701026	190.260	302.000	189.042	332.000
14	701026-46	I7 - Module công tắc trung gian đơn (Champagne) 701026-46	213.570	339.000	212.203	373.000
15	701026-61	I7 - Module công tắc trung gian đơn (Grey) 701026-61	213.570	339.000	212.203	373.000
16	702023	I7 - Module Công tắc đơn 20A, hai cực, một chiều có đèn LED xanh 702023	340.200	540.000	338.023	594.000
17	702023-46	I7 - Module Công tắc đơn 20A, hai cực, một chiều có đèn LED xanh (Champagne)	363.510	577.000	361.184	635.000
18	702023-61	I7 - Module Công tắc đơn 20A, hai cực, một chiều có đèn LED xanh (Grey) 702023-61	363.510	577.000	361.184	635.000
19	702024	I7 - Module Công tắc đơn 20A, hai cực, hai chiều có đèn LED xanh 702024	466.830	741.000	463.842	815.000
20	702024-46	I7 - Module Công tắc đơn 20A, hai cực, hai chiều có đèn LED xanh (Champagne)	490.140	778.000	487.003	856.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
21	702024-61	I7 - Module Công tắc đơn 20A, hai cực, hai chiều có đèn LED xanh (Grey) 702024-61	490.140	778.000	487.003	856.000
22	703223	I7 - Module Công tắc đơn 32A, hai cực, một chiều, có đèn LED xanh 703223	377.370	599.000	374.955	659.000
23	703223-46	I7 - Module Công tắc đơn 32A, hai cực, một chiều, có đèn LED xanh (Champagne) 703223-46	400.680	636.000	398.116	700.000
24	703223-61	I7 - Module Công tắc đơn 32A, hai cực, một chiều, có đèn LED xanh (Grey) 703223-61	400.680	636.000	398.116	700.000
25	703224	I7 - Module Công tắc đơn 32A, hai cực, hai chiều, đèn LED xanh 703224	483.210	767.000	480.117	844.000
26	703224-46	I7 - Module Công tắc đơn 32A, hai cực, hai chiều, đèn LED xanh (Champagne) 703224-46	506.520	804.000	503.278	884.000
27	703224-61	I7 - Module Công tắc đơn 32A, hai cực, hai chiều, đèn LED xanh (Grey) 703224-61	506.520	804.000	503.278	884.000
28	701021	I7 - Module công tắc đôi, một chiều 701021	127.890	203.000	127.072	223.000
29	701021-46	I7 - Module công tắc đôi, một chiều (Champagne) 701021-46	151.200	240.000	150.232	264.000
30	701021-61	I7 - Module công tắc đôi, một chiều (Grey) 701021-61	151.200	240.000	150.232	264.000
31	701022	I7 - Module công tắc đôi, hai chiều 701022	157.500	250.000	156.492	275.000
32	701022-46	I7 - Module công tắc đôi, hai chiều (Champagne) 701022-46	180.810	287.000	179.653	316.000
33	701022-61	I7 - Module công tắc đôi, hai chiều (Grey) 701022-61	180.810	287.000	179.653	316.000
34	701023	I7 - Module công tắc đôi, một chiều có đèn LED 701023	296.730	471.000	294.831	518.000
35	701023-46	I7 - Module công tắc đôi, một chiều có đèn LED (Champagne) 701023-46	320.040	508.000	317.992	559.000
36	701023-61	I7 - Module công tắc đôi, một chiều có đèn LED (Grey) 701023-61	320.040	508.000	317.992	559.000
37	701024	I7 - Module công tắc đôi, hai chiều có đèn LED 701024	359.730	571.000	357.428	628.000
38	701024-46	I7 - Module công tắc đôi, hai chiều có đèn LED (Champagne) 701024-46	383.040	608.000	380.589	669.000
39	701024-61	I7 - Module công tắc đôi, hai chiều có đèn LED (Grey) 701024-61	383.040	608.000	380.589	669.000
40	701046	I7 - Module công tắc trung gian đôi 701046	326.970	519.000	324.877	571.000
41	701046-46	I7 - Module công tắc trung gian đôi (Champagne) 701046-46	350.280	556.000	348.038	612.000
42	701046-61	I7 - Module công tắc trung gian đôi (Grey) 701046-61	350.280	556.000	348.038	612.000
43	701031	I7 - Module công tắc ba, một chiều 701031	166.950	265.000	165.882	292.000
44	701031-46	I7 - Module công tắc ba, một chiều (Champagne) 701031-46	190.260	302.000	189.042	332.000
45	701031-61	I7 - Module công tắc ba, một chiều (Grey) 701031-61	190.260	302.000	189.042	332.000
46	701032	I7 - Module công tắc ba, hai chiều 701032	209.790	333.000	208.447	366.000
47	701032-46	I7 - Module công tắc ba, hai chiều (Champagne) 701032-46	233.100	370.000	231.608	407.000
48	701032-61	I7 - Module công tắc ba, hai chiều (Grey) 701032-61	233.100	370.000	231.608	407.000
49	701033	I7 - Module công tắc ba, một chiều có đèn LED 701033	400.680	636.000	398.116	700.000
50	701033-46	I7 - Module công tắc ba, một chiều có đèn LED (Champagne) 701033-46	423.990	673.000	421.276	740.000
51	701033-61	I7 - Module công tắc ba, một chiều có đèn LED (Grey) 701033-61	423.990	673.000	421.276	740.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
52	701034	I7 - Module công tắc ba, hai chiều có đèn LED 701034	449.820	714.000	446.941	785.000
53	701034-46	I7 - Module công tắc ba, hai chiều có đèn LED (Champagne) 701034-46	473.130	751.000	470.102	826.000
54	701034-61	I7 - Module công tắc ba, hai chiều có đèn LED (Grey) 701034-61	473.130	751.000	470.102	826.000
55	701041	I7 - Module công tắc bốn, một chiều 701041	224.910	357.000	223.471	393.000
56	701041-46	I7 - Module công tắc bốn, một chiều (Champagne) 701041-46	248.220	394.000	246.631	433.000
57	701041-61	I7 - Module công tắc bốn, một chiều (Grey) 701041-61	248.220	394.000	246.631	433.000
58	701042	I7 - Module công tắc bốn, hai chiều 701042	302.400	480.000	300.465	528.000
59	701042-46	I7 - Module công tắc bốn, hai chiều (Champagne) 701042-46	325.710	517.000	323.625	569.000
60	701042-61	I7 - Module công tắc bốn, hai chiều (Grey) 701042-61	325.710	517.000	323.625	569.000
61	701043	I7 - Module công tắc bốn, một chiều có đèn LED 701043	556.290	883.000	552.730	971.000
62	701043-46	I7 - Module công tắc bốn, một chiều có đèn LED (Champagne) 701043-46	579.600	920.000	575.891	1.012.000
63	701043-61	I7 - Module công tắc bốn, một chiều có đèn LED (Grey) 701043-61	579.600	920.000	575.891	1.012.000
64	701044	I7 - Module công tắc bốn, hai chiều có đèn LED 701044	647.640	1.028.000	643.495	1.131.000
65	701044-46	I7 - Module công tắc bốn, hai chiều có đèn LED (Champagne) 701044-46	670.950	1.065.000	666.656	1.172.000
66	701044-61	I7 - Module công tắc bốn, hai chiều có đèn LED (Grey) 701044-61	670.950	1.065.000	666.656	1.172.000
67	701011F	I7 - Module nút nhấn công tắc đơn 701011F	92.610	147.000	92.017	162.000
68	701011F-46	I7 - Module nút nhấn công tắc đơn (Champagne) 701011F-46	115.920	184.000	115.178	202.000
69	701011F-61	I7 - Module nút nhấn công tắc đơn (Grey) 701011F-61	115.920	184.000	115.178	202.000
70	701021F	I7 - Module nút nhấn công tắc đôi 701021F	136.710	217.000	135.835	239.000
71	701021F-46	I7 - Module nút nhấn công tắc đôi (Champagne) 701021F-46	160.020	254.000	158.996	279.000
72	701021F-61	I7 - Module nút nhấn công tắc đôi (Grey) 701021F-61	160.020	254.000	158.996	279.000
73	701031F	I7 - Module nút nhấn công tắc ba 701031F	186.480	296.000	185.287	326.000
74	701031F-46	I7 - Module nút nhấn công tắc ba (Champagne) 701031F-46	209.790	333.000	208.447	366.000
75	701031F-61	I7 - Module nút nhấn công tắc ba (Grey) 701031F-61	209.790	333.000	208.447	366.000
76	701041F	I7 - Module nút nhấn công tắc bốn 701041F	245.070	389.000	243.502	428.000
77	701041F-46	I7 - Module nút nhấn công tắc bốn (Champagne) 701041F-46	268.380	426.000	266.662	469.000
78	701041F-61	I7 - Module nút nhấn công tắc bốn (Grey) 701041F-61	268.380	426.000	266.662	469.000
79	706301	I7 - Module công tắc chuông cửa 706301	105.210	167.000	104.537	184.000
80	706301-46	I7 - Module công tắc chuông cửa (Champagne) 706301-46	128.520	204.000	127.697	224.000
81	706301-61	I7 - Module công tắc chuông cửa (Grey) 706301-61	128.520	204.000	127.697	224.000
82	701072	I7 - Module Ổ cắm đôi hai châu 10A 701072	144.270	229.000	143.347	252.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
83	701072-46	I7 - Module Ổ cắm đôi hai chấu 10A (Champagne) 701072-46	167.580	266.000	166.507	293.000
84	701072-61	I7 - Module Ổ cắm đôi hai chấu 10A (Grey) 701072-61	167.580	266.000	166.507	293.000
85	701080	I7 - Module Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn 10A và ổ cắm 2 chấu thường 701080	175.770	279.000	174.645	307.000
86	701080-46	I7 - Module Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn 10A và ổ cắm 2 chấu thường (Champagne) 701080-46	199.080	316.000	197.806	348.000
87	701080-61	I7 - Module Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn 10A và ổ cắm 2 chấu thường (Grey) 701080-61	199.080	316.000	197.806	348.000
88	701087	I7 - Module ổ cắm đơn chuẩn Âu-Mỹ 16A 701087	158.130	251.000	157.118	276.000
89	701087-46	I7 - Module ổ cắm đơn chuẩn Âu-Mỹ 16A (Champagne) 701087-46	181.440	288.000	180.279	317.000
90	701087-61	I7 - Module ổ cắm đơn chuẩn Âu-Mỹ 16A (Grey) 701087-61	181.440	288.000	180.279	317.000
91	711287	I7 - Bộ ổ cắm đôi 3 chấu chuẩn Âu-Mỹ 16A (Bao gồm 1 I7 - Module và 1 khung) 711287	219.870	349.000	218.463	384.000
92	711287-46	I7 - Bộ ổ cắm đôi 3 chấu chuẩn Âu-Mỹ 16A (Bao gồm 1 I7 - Module và 1 khung) (Champagne) 711287-46	243.180	386.000	241.624	425.000
93	711287-61	I7 - Bộ ổ cắm đôi 3 chấu chuẩn Âu-Mỹ 16A (Bao gồm 1 I7 - Module và 1 I7 - K) (Grey) 711287-61	243.180	386.000	241.624	425.000
94	701382	I7 - Bộ ổ cắm 3 chấu thường 13A 701382	168.840	268.000	167.759	295.000
95	701382-46	I7 - Bộ ổ cắm 3 chấu thường 13A (champagne) 701382-46	192.150	305.000	190.920	336.000
96	701382-61	I7 - Bộ ổ cắm 3 chấu thường 13A (Grey) 701382-61	192.150	305.000	190.920	336.000
97	701384	I7 - Module ổ cắm kiểu Anh 13A + USB 701384	830.970	1.319.000	825.652	1.451.000
98	701384-46	I7 - Module ổ cắm kiểu Anh 13A + USB (Champagne) 701384-46	854.280	1.356.000	848.813	1.492.000
99	701384-61	I7 - Module ổ cắm kiểu Anh 13A + USB (Grey) 701384-61	854.280	1.356.000	848.813	1.492.000
100	701089	I7 - Module Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn kèm công tắc 701089	215.460	342.000	214.081	376.000
101	701089-46	I7 - Module Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn kèm công tắc (Champagne) 701089-46	238.770	379.000	237.242	417.000
102	701089-61	I7 - Module Ổ cắm 3 chấu đa tiêu chuẩn kèm công tắc (Grey) 701089-61	238.770	379.000	237.242	417.000
103	70E725	I7 - Module Ổ cắm đa tiêu chuẩn + 2 cổng sạc USB 70E725	866.250	1.375.000	860.706	1.513.000
104	70E725-46	I7 - Module Ổ cắm đa tiêu chuẩn + 2 cổng sạc USB (Champagne) 70E725-46	889.560	1.412.000	883.867	1.553.000
105	70E725-61	I7 - Module Ổ cắm đa tiêu chuẩn + 2 cổng sạc USB (Grey) 70E725-61	889.560	1.412.000	883.867	1.553.000
106	701687	I7 - Module Ổ cắm đơn Schuko 16A 701687	178.920	284.000	177.775	312.000
107	701687-46	I7 - Module Ổ cắm đơn Schuko 16A (Champagne) 701687-46	202.230	321.000	200.936	353.000
108	701687-61	I7 - Module Ổ cắm đơn Schuko 16A (Grey) 701687-61	202.230	321.000	200.936	353.000
109	705111	I7 - Module ổ cắm TV đơn 705111	147.420	234.000	146.477	257.000
110	705111-46	I7 - Module ổ cắm TV đơn (Champagne) 705111-46	170.730	271.000	169.637	298.000
111	705111-61	I7 - Module ổ cắm TV đơn (Grey) 705111-61	170.730	271.000	169.637	298.000
112	705114	I7 - Module ổ cắm TV có chống nhiễu chuẩn F 705114	143.010	227.000	142.095	250.000
113	705114-46	I7 - Module ổ cắm TV có chống nhiễu chuẩn F (Champagne) 705114-46	166.320	264.000	165.256	290.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
114	705114-61	I7 - Module ổ cắm TV có chống nhiễu chuẩn F (Grey) 705114-61	166.320	264.000	165.256	290.000
115	705119	I7 - Module Ổ cắm TV đôi 705119	223.650	355.000	222.219	391.000
116	705119-46	I7 - Module Ổ cắm TV đôi (Champagne) 705119-46	246.960	392.000	245.379	431.000
117	705119-61	I7 - Module Ổ cắm TV đôi (Grey) 705119-61	246.960	392.000	245.379	431.000
118	705119S	I7 - Module Ổ cắm TV và ổ cắm TV chuẩn F 705119S	185.850	295.000	184.661	325.000
119	705119S-46	I7 - Module Ổ cắm TV và ổ cắm TV chuẩn F (Champagne) 705119S-46	209.160	332.000	207.821	365.000
120	705119S-61	I7 - Module Ổ cắm TV và ổ cắm TV chuẩn F (Grey) 705119S-61	209.160	332.000	207.821	365.000
121	705214	I7 - Module ổ cắm điện thoại đơn 705214	119.070	189.000	118.308	208.000
122	705214-46	I7 - Module ổ cắm điện thoại đơn (Champagne) 705214-46	142.380	226.000	141.469	249.000
123	705214-61	I7 - Module ổ cắm điện thoại đơn (Grey) 705214-61	142.380	226.000	141.469	249.000
124	705218	I7 - Module ổ cắm dữ liệu đơn Cat6 705218	214.200	340.000	212.829	374.000
125	705218-46	I7 - Module ổ cắm dữ liệu đơn Cat6 (Champagne) 705218-46	237.510	377.000	235.990	415.000
126	705218-61	I7 - Module ổ cắm dữ liệu đơn Cat6 (Grey) 705218-61	237.510	377.000	235.990	415.000
127	705224	I7 - Module ổ cắm điện thoại đôi 705224	209.160	332.000	207.821	365.000
128	705224-46	I7 - Module ổ cắm điện thoại đôi (Champagne) 705224-46	232.470	369.000	230.982	406.000
129	705224-61	I7 - Module ổ cắm điện thoại đôi (Grey) 705224-61	232.470	369.000	230.982	406.000
130	705228	I7 - Module ổ cắm dữ liệu đôi Cat6 705228	388.080	616.000	385.596	678.000
131	705228-46	I7 - Module ổ cắm dữ liệu đôi Cat6 (Champagne) 705228-46	411.390	653.000	408.757	718.000
132	705228-61	I7 - Module ổ cắm dữ liệu đôi Cat6 (Grey) 705228-61	411.390	653.000	408.757	718.000
133	705229	I7 - Module ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat6 705229	357.210	567.000	354.924	624.000
134	705229-46	I7 - Module ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat6 (Champagne) 705229-46	380.520	604.000	378.085	664.000
135	705229-61	I7 - Module ổ cắm điện thoại và dữ liệu Cat6 (Grey) 705229-61	380.520	604.000	378.085	664.000
136	705301	I7 - Module ổ cắm TV và điện thoại 705301	233.730	371.000	232.234	408.000
137	705301-46	I7 - Module ổ cắm TV và điện thoại (Champagne) 705301-46	257.040	408.000	255.395	449.000
138	705301-61	I7 - Module ổ cắm TV và điện thoại (Grey) 705301-61	257.040	408.000	255.395	449.000
139	705302	I7 - Module ổ cắm Tv và dữ liệu Cat6 705302	303.660	482.000	301.717	530.000
140	705302-46	I7 - Module ổ cắm Tv và dữ liệu Cat6 (Champagne) 705302-46	326.970	519.000	324.877	571.000
141	705302-61	I7 - Module ổ cắm Tv và dữ liệu Cat6 (Grey) 705302-61	326.970	519.000	324.877	571.000
142	705401	I7 - Module ổ cắm đơn loa 705401	308.070	489.000	306.098	538.000
143	705401-46	I7 - Module ổ cắm đơn loa (Champagne) 705401-46	331.380	526.000	329.259	579.000
144	705401-61	I7 - Module ổ cắm đơn loa (Grey) 705401-61	331.380	526.000	329.259	579.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
145	705402	I7 - Module ổ cắm đôi loa 705402	538.650	855.000	535.203	941.000
146	705402-46	I7 - Module ổ cắm đôi loa (Champagne) 705402-46	561.960	892.000	558.363	981.000
147	705402-61	I7 - Module ổ cắm đôi loa (Grey) 705402-61	561.960	892.000	558.363	981.000
148	700493	I7 - Module Ổ cắm AV-S 700493	611.730	971.000	607.815	1.068.000
149	700493-46	I7 - Module Ổ cắm AV-S (Champagne) 700493-46	635.040	1.008.000	630.976	1.109.000
150	700493-61	I7 - Module Ổ cắm AV-S (Grey) 700493-61	635.040	1.008.000	630.976	1.109.000
151	700494	I7 - Module Ổ cắm USB và HDMI 700494	402.570	639.000	399.994	703.000
152	700494-46	I7 - Module Ổ cắm USB và HDMI (Champagne) 700494-46	425.880	676.000	423.154	744.000
153	700494-61	I7 - Module Ổ cắm USB và HDMI (Grey) 700494-61	425.880	676.000	423.154	744.000
154	70E727	I7 - Module sạc USB (5V 2,4A) + USB type C (45W) 70E727	1.806.210	2.867.000	1.794.650	3.154.000
155	70E727-46	I7 - Module sạc USB (5V 2,4A) + USB type C (45W) (Champagne) 70E727-46	1.829.520	2.904.000	1.817.811	3.194.000
156	70E727-61	I7 - Module sạc USB (5V 2,4A) + USB type C (45W) (Grey) 70E727-61	1.829.520	2.904.000	1.817.811	3.194.000
157	71E7251	I7 - Module ổ cắm EU-US kèm cổng sạc USB, A+C 71E7251	883.260	1.402.000	877.607	1.542.000
158	71E7251-46	I7 - Module ổ cắm EU-US kèm cổng sạc USB, A+C (Champagne) 71E7251-46	906.570	1.439.000	900.768	1.583.000
159	71E7251-61	I7 - Module ổ cắm EU-US kèm cổng sạc USB, A+C (Grey) 71E7251-61	906.570	1.439.000	900.768	1.583.000
160	70E7253	I7 - Module ổ cắm 3 châu đa năng kèm công tắc + cổng sạc USB và A+C 70E7253	918.540	1.458.000	912.661	1.604.000
161	70E7253-46	I7 - Module ổ cắm 3 châu đa năng kèm công tắc + cổng sạc USB và A+C (Champagne) 70E7253-46	941.850	1.495.000	935.822	1.645.000
162	70E7253-61	I7 - Module ổ cắm 3 châu đa năng kèm công tắc + cổng sạc USB và A+C (Grey) 70E7253-61	941.850	1.495.000	935.822	1.645.000
163	70E7254	I7 - Module ổ cắm BS 13A kèm công tắc + cổng sạc USB và A+C 70E7254	909.720	1.444.000	903.898	1.588.000
164	70E7254-46	I7 - Module ổ cắm BS 13A kèm công tắc + cổng sạc USB và A+C (Champagne) 70E7254-46	933.030	1.481.000	927.059	1.629.000
165	70E7254-61	I7 - Module ổ cắm BS 13A kèm công tắc + cổng sạc USB và A+C (Grey) 70E7254-61	933.030	1.481.000	927.059	1.629.000
166	70E102	I7 - Module chiết áp đèn 200W 70E102	553.770	879.000	550.226	967.000
167	70E102-46	I7 - Module chiết áp đèn 200W (Champagne) 70E102-46	577.080	916.000	573.387	1.008.000
168	70E102-61	I7 - Module chiết áp đèn 200W (Grey) 70E102-61	577.080	916.000	573.387	1.008.000
169	70E105	I7 - Module chiết áp 70E105	469.350	745.000	466.346	820.000
170	70E105-46	I7 - Module chiết áp (Champagne) 70E105-46	492.660	782.000	489.507	860.000
171	70E105-61	I7 - Module chiết áp (Grey) 70E105-61	492.660	782.000	489.507	860.000
172	70E104	I7 - Module chiết áp đèn 200W (1-10V) 70E104	421.470	669.000	418.773	736.000
173	70E104-46	I7 - Module chiết áp đèn 200W (1-10V) (Champagne) 70E104-46	444.780	706.000	441.933	777.000
174	70E104-61	I7 - Module chiết áp đèn 200W (1-10V) (Grey) 70E104-61	444.780	706.000	441.933	777.000
175	70E201	I7 - Module chiết áp quạt 70E201	471.870	749.000	468.850	824.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
176	70E201-46	I7 - Module chiết áp quạt (Champagne) 70E201-46	495.180	786.000	492.011	865.000
177	70E201-61	I7 - Module chiết áp quạt (Grey) 70E201-61	495.180	786.000	492.011	865.000
178	70E623	I7 - Module Chiết áp âm lượng 70E623	403.200	640.000	400.620	704.000
179	70E623-46	I7 - Module Chiết áp âm lượng (Champagne) 70E623-46	426.510	677.000	423.780	745.000
180	70E623-61	I7 - Module Chiết áp âm lượng (Grey) 70E623-61	426.510	677.000	423.780	745.000
181	70E401	I7 - Module Cắm biến âm thanh và ánh sáng 160W 70E401	827.820	1.314.000	822.522	1.445.000
182	70E401-46	I7 - Module Cắm biến âm thanh và ánh sáng 160W (Champagne) 70E401-46	851.130	1.351.000	845.683	1.486.000
183	70E401-61	I7 - Module Cắm biến âm thanh và ánh sáng 160W 70E401-61	851.130	1.351.000	845.683	1.486.000
184	70E501	I7 - Module công tắc đặt thời gian trễ (Grey) 70E501	621.180	986.000	617.204	1.085.000
185	70E501-46	I7 - Module công tắc đặt thời gian trễ (Champagne) 70E501-46	644.490	1.023.000	640.365	1.125.000
186	70E501-61	I7 - Module công tắc đặt thời gian trễ (Grey) 70E501-61	644.490	1.023.000	640.365	1.125.000
187	70E301	I7 - Cắm biến hiện diện (2 dây) 70E301	671.580	1.066.000	667.282	1.173.000
188	70E301-46	I7 - Module Cắm biến hiện diện (2 dây) (Champagne) 70E301-46	694.890	1.103.000	690.443	1.213.000
189	70E301-61	I7 - Module Cắm biến hiện diện (2 dây) (Grey) 70E301-61	694.890	1.103.000	690.443	1.213.000
190	70E302	I7 - Cắm biến hiện diện (3 dây) 70E302	727.650	1.155.000	722.993	1.271.000
191	70E302-46	I7 - Cắm biến hiện diện (3 dây) (Champagne) 70E302-46	750.960	1.192.000	746.154	1.311.000
192	70E302-61	I7 - Cắm biến hiện diện (3 dây) (Grey) 70E302-61	750.960	1.192.000	746.154	1.311.000
193	70E303	I7 - Cắm biến hiện diện (4 dây) 70E303	758.520	1.204.000	753.665	1.324.000
194	70E303-46	I7 - Cắm biến hiện diện (4 dây) (Champagne) 70E303-46	781.830	1.241.000	776.826	1.365.000
195	70E303-61	I7 - Cắm biến hiện diện (4 dây) (Grey) 70E303-61	781.830	1.241.000	776.826	1.365.000
196	D701024	I7 - Module công tắc mờ dọn phòng & không làm phiền có LED D701024	395.010	627.000	392.482	690.000
197	D701024-46	I7 - Module công tắc mờ dọn phòng & không làm phiền có LED (Champagne)	418.320	664.000	415.643	730.000
198	D701024-61	I7 - Module công tắc mờ dọn phòng & không làm phiền có LED (Grey) D7010	418.320	664.000	415.643	730.000
199	701000	I7 - Module Mặt che tron 701000	36.540	58.000	36.306	64.000
200	701000-46	I7 - Module Mặt che tron (Champagne) 701000-46	59.850	95.000	59.467	105.000
201	701000-61	I7 - Module Mặt che tron (Grey) 701000-61	59.850	95.000	59.467	105.000
202	70E612	I7 - Module Nút nhấn chuông có hiển thị Không làm phiền và Mời dọn phòng 7	1.214.010	1.927.000	1.206.240	2.120.000
203	70E612-46	I7 - Module Nút nhấn chuông có hiển thị Không làm phiền và Mời dọn phòng (C	1.237.320	1.964.000	1.229.401	2.160.000
204	70E612-61	I7 - Module Nút nhấn chuông có hiển thị Không làm phiền và Mời dọn phòng (C	1.237.320	1.964.000	1.229.401	2.160.000
205	70E611	I7 - Nút nhấn chuông hiển thị "không làm phiền" 70E611	1.012.410	1.607.000	1.005.931	1.768.000
206	70E611-46	I7 - Nút nhấn chuông hiển thị "không làm phiền" (Champagne) 70E611-46	1.035.720	1.644.000	1.029.091	1.808.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
207	70E611-61	I7 - Nút nhấn chuông hiển thị "không làm phiền" (Grey) 70E611-61	1.035.720	1.644.000	1.029.091	1.808.000
208	70E651	I7 - Module ổ cắm dao cạo râu 70E651	984.690	1.563.000	978.388	1.719.000
209	70E651-46	I7 - Module ổ cắm dao cạo râu (Champagne) 70E651-46	1.008.000	1.600.000	1.001.549	1.760.000
210	70E651-61	I7 - Module ổ cắm dao cạo râu (Grey) 70E651-61	1.008.000	1.600.000	1.001.549	1.760.000
211	714504	I7 - Module Bộ ổ cắm dao cạo râu 714504	1.089.900	1.730.000	1.082.925	1.903.000
212	714504-46	I7 - Module Bộ ổ cắm dao cạo râu (Champagne) 714504-46	1.113.210	1.767.000	1.106.085	1.944.000
213	714504-61	I7 - Module Bộ ổ cắm dao cạo râu (Grey) 714504-61	1.113.210	1.767.000	1.106.085	1.944.000
214	70E741	I7 - Module Bộ phát wifi trong phòng 70E741	1.508.850	2.395.000	1.499.193	2.635.000
215	70E741-46	I7 - Module Bộ phát wifi trong phòng (Champagne) 70E741-46	1.532.160	2.432.000	1.522.354	2.675.000
216	70E741-61	I7 - Module Bộ phát wifi trong phòng (Grey) 70E741-61	1.532.160	2.432.000	1.522.354	2.675.000
217	70E601	I7 - Module Công tắc thẻ 20A 70E601	804.510	1.277.000	799.361	1.405.000
218	70E601-46	I7 - Module Công tắc thẻ 20A (Champagne) 70E601-46	827.820	1.314.000	822.522	1.445.000
219	70E601-61	I7 - Module Công tắc thẻ 20A (Grey) 70E601-61	827.820	1.314.000	822.522	1.445.000
220	70E602	I7 - Module Công tắc thẻ từ RFID 70E602	1.031.940	1.638.000	1.025.336	1.802.000
221	70E602-46	I7 - Module Công tắc thẻ từ RFID (Champagne) 70E602-46	1.055.250	1.675.000	1.048.496	1.843.000
222	70E602-61	I7 - Module Công tắc thẻ từ RFID (Grey) 70E602-61	1.055.250	1.675.000	1.048.496	1.843.000
223	70E733	I7 - Module Đèn chân cầu thang 3000K có cảm biến chuyển động 70E733	544.320	864.000	540.836	950.000
224	70E733-46	I7 - Module Đèn chân cầu thang 3000K có cảm biến chuyển động (Champagne)	567.630	901.000	563.997	991.000
225	70E733-61	I7 - Module Đèn chân cầu thang 3000K có cảm biến chuyển động (Grey) 70E733-61	567.630	901.000	563.997	991.000
226	70E732	I7 - Module Đèn chân cầu thang 3000K 70E732	418.950	665.000	416.269	732.000
227	70E732-46	I7 - Module Đèn chân cầu thang 3000K (Champagne) 70E732-46	442.260	702.000	439.430	772.000
228	70E732-61	I7 - Module Đèn chân cầu thang 3000K (Grey) 70E732-61	442.260	702.000	439.430	772.000
229	70E731	I7 - Module Đèn chân cầu thang 6000K 70E731	418.950	665.000	416.269	732.000
230	70E731-46	I7 - Module Đèn chân cầu thang 6000K (Champagne) 70E731-46	442.260	702.000	439.430	772.000
231	70E731-61	I7 - Module Đèn chân cầu thang 6000K (Grey) 70E731-61	442.260	702.000	439.430	772.000
232	D701022	I7 - 2 Gang 2 Way Switch Module with DND MUR Indicator D701022	356.580	566.000	354.298	623.000
233	D701022-46	I7 - 2 Gang 2 Way Switch Module with DND MUR Indicator (Champagne) D701022-46	379.890	603.000	377.459	663.000
234	D701022-61	I7 - 2 Gang 2 Way Switch Module with DND MUR Indicator (Grey) D701022-61	379.890	603.000	377.459	663.000
235	700610	I7 - Khung đơn 700610	29.610	47.000	29.420	52.000
236	700610-46	I7 - Khung đơn (Champagne) 700610-46	52.920	84.000	52.581	92.000
237	700610-61	I7 - Khung đơn (Grey) 700610-61	52.920	84.000	52.581	92.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
238	700620	I7 - Khung đôi 700620	59.850	95.000	59.467	105.000
239	700620-46	I7 - Khung đôi (Champagne) 700620-46	83.160	132.000	82.628	145.000
240	700620-61	I7 - Khung đôi (Grey) 700620-61	83.160	132.000	82.628	145.000
241	700630	I7 - Khung ba 700630	103.950	165.000	103.285	182.000
242	700630-46	I7 - Khung ba (Champagne) 700630-46	127.260	202.000	126.446	222.000
243	700630-61	I7 - Khung ba (Grey) 700630-61	127.260	202.000	126.446	222.000
244	700640	I7 - Khung bốn 700640	118.440	188.000	117.682	207.000
245	700640-46	I7 - Khung bốn (Champagne) 700640-46	141.750	225.000	140.843	248.000
246	700640-61	I7 - Khung bốn (Grey) 700640-61	141.750	225.000	140.843	248.000
247	700650	I7 - Khung năm 700650	137.970	219.000	137.087	241.000
248	700650-46	I7 - Khung năm (Champagne) 700650-46	161.280	256.000	160.248	282.000
249	700650-61	I7 - Khung năm (Grey) 700650-61	161.280	256.000	160.248	282.000
250	700820	I7 - Khung đôi 700820	61.740	98.000	61.345	108.000
251	700820-46	I7 - Khung đôi (Champagne) 700820-46	85.050	135.000	84.506	149.000
252	700820-61	I7 - Khung đôi (Grey) 700820-61	85.050	135.000	84.506	149.000
253	700830	I7 - Khung ba 700830	102.690	163.000	102.033	179.000
254	700830-46	I7 - Khung ba (Champagne) 700830-46	126.000	200.000	125.194	220.000
255	700830-61	I7 - Khung ba (Grey) 700830-61	126.000	200.000	125.194	220.000
256	700840	I7 - Khung bốn 700840	119.700	190.000	118.934	209.000
257	700840-46	I7 - Khung bốn (Champagne) 700840-46	143.010	227.000	142.095	250.000
258	700840-61	I7 - Khung bốn (Grey) 700840-61	143.010	227.000	142.095	250.000
259	700850	I7 - Khung năm 700850	138.600	220.000	137.713	242.000
260	700850-46	I7 - Khung năm (Champagne) 700850-46	161.910	257.000	160.874	283.000
261	700850-61	I7 - Khung năm (Grey) 700850-61	161.910	257.000	160.874	283.000
3	Track socket		-			
1	MTS1189	Track socket - Ổ cắm đơn 3 chấu đa năng 13A, vuông, màu trắng	227.430	361.000	225.974	397.000
2	MTS1189-BL	Track socket - Ổ cắm đơn 3 chấu đa năng 13A, vuông, màu đen	227.430	361.000	225.974	397.000
3	MTS1089	Track socket - Ổ cắm đơn 3 chấu đa năng 13A, tròn, màu trắng	299.880	476.000	297.961	524.000
4	MTS1089-BL	Track socket - Ổ cắm đơn 3 chấu đa năng 13A, tròn, màu đen	299.880	476.000	297.961	524.000
5	MTS1381	Track socket - Ổ cắm đơn 3 chấu kiểu Anh 13A, vuông, màu trắng	227.430	361.000	225.974	397.000
6	MTS1381-BL	Track socket - Ổ cắm đơn 3 chấu kiểu Anh 13A, vuông, màu đen	227.430	361.000	225.974	397.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
7	MTS1688	Track socket - Ổ cắm đơn Schuko 16A, tròn, màu trắng	245.070	389.000	243.502	428.000
8	MTS1688-BL	Track socket - Ổ cắm đơn Schuko 16A, tròn, màu đen	245.070	389.000	243.502	428.000
9	MTSE721	Track socket - Ổ USD đôi DC5V2.1A, vuông, màu trắng	431.550	685.000	428.788	754.000
10	MTSE721-BL	Track socket - Ổ USD đôi DC5V2.1A, vuông, màu đen	431.550	685.000	428.788	754.000
11	MTSE722	Track socket - Ổ USD đôi DC5V2.1A, tròn, màu trắng	504.630	801.000	501.400	881.000
12	MTSE722-BL	Track socket - Ổ USD đôi DC5V2.1A, tròn, màu đen	529.200	840.000	525.813	924.000
13	MTSE728-BL	Track socket - Ổ USB (A+C) , tròn, màu đen	814.590	1.293.000	809.377	1.422.000
14	FTS4506-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 0.6m, màu bạc	1.389.780	2.206.000	1.380.885	2.427.000
15	FTS4506-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 0.6m, màu đen	1.389.780	2.206.000	1.380.885	2.427.000
16	FTS4508-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 0.8m, màu bạc	1.753.290	2.783.000	1.742.069	3.061.000
17	FTS4508-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 0.8m, màu đen	1.753.290	2.783.000	1.742.069	3.061.000
18	FTS4510-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 1m, màu bạc	2.116.800	3.360.000	2.103.252	3.696.000
19	FTS4510-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 1m, màu đen	2.116.800	3.360.000	2.103.252	3.696.000
20	FTS4512-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 1.2m, màu bạc	2.514.330	3.991.000	2.498.238	4.390.000
21	FTS4512-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp nổi,, 1.2m, màu đen	2.514.330	3.991.000	2.498.238	4.390.000
22	FTS5006-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 0.6m, màu bạc	1.389.780	2.206.000	1.380.885	2.427.000
23	FTS5006-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 0.6m, màu đen	1.389.780	2.206.000	1.380.885	2.427.000
24	FTS5008-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 0.8m, màu bạc	1.729.980	2.746.000	1.718.908	3.021.000
25	FTS5008-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 0.8m, màu đen	1.729.980	2.746.000	1.718.908	3.021.000
26	FTS5010-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 1m, màu bạc	2.106.090	3.343.000	2.092.611	3.677.000
27	FTS5010-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 1m, màu đen	2.106.090	3.343.000	2.092.611	3.677.000
28	FTS5012-SL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 1.2m, màu bạc	2.482.830	3.941.000	2.466.940	4.335.000
29	FTS5012-BL	Track socket - Thanh ray điện, lắp âm, 1.2m, màu đen	2.482.830	3.941.000	2.466.940	4.335.000
4	Series S20		-			
1	821112-26	S20-Module công tắc đơn 2 chiều (Waltz) 821112	286.650	455.000	284.815	501.000
2	821122-26	S20-Module công tắc đôi 2 chiều (Waltz) 821122	452.970	719.000	450.071	791.000
3	821012-26	S20-Module công tắc đơn 2 chiều 821012-26	193.410	307.000	192.172	338.000
4	821022-26	S20-Module công tắc đôi 2 chiều 821022-26	241.920	384.000	240.372	422.000
5	821032-26	S20-Module công tắc ba 2 chiều 821032-26	293.580	466.000	291.701	513.000
6	821072-26	S20-Module ổ cắm đôi 2 chấu 821072-26	217.980	346.000	216.585	381.000
7	821382-26	S20-Module ổ cắm kiểu anh 13A 821382-26	197.190	313.000	195.928	344.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
8	821087-26	S20- Module ổ cắm đơn 3 chấu 821087-26	197.190	313.000	195.928	344.000
9	821687-26	S20- Module ổ cắm Schuko 821687-26	197.190	313.000	195.928	344.000
10	821089-26	S20- Module Ổ cắm 3 chấu đa năng 821089-26	265.230	421.000	263.533	463.000
11	825111-26	S20- Module ổ cắm tivi 825111-26	193.410	307.000	192.172	338.000
12	825114-26	S20- Module ổ cắm tivi chuẩn F 825114-26	280.980	446.000	279.182	491.000
13	825214-26	S20- Module ổ cắm điện thoại (RJ11) 825214-26	193.410	307.000	192.172	338.000
14	825218-26	S20- Module ổ cắm mạng đơn Cat.6 825218-26	236.250	375.000	234.738	413.000
15	825228-26	S20- Module ổ cắm mạng đôi Cat.6 825228-26	311.220	494.000	309.228	543.000
16	825229-26	S20- Module ổ cắm mạng đơn Cat6 + Điện thoại 825229-26	279.090	443.000	277.304	487.000
17	825302-26	S20- Module ổ cắm mạng đơn Cat6 + TV 825302-26	280.980	446.000	279.182	491.000
18	82E101-26	S20- Module chiết áp đèn LED 200W 82E101-26	1.002.960	1.592.000	996.541	1.751.000
19	82E741-26	S20- Module bộ phát wifi 82E741-26	1.592.640	2.528.000	1.582.447	2.781.000
20	82E742-26	S20- Module bộ phát wifi (POE) 82E742-26	1.606.500	2.550.000	1.596.218	2.805.000
21	82E601-26	S20- Module thẻ từ 82E601-26	801.360	1.272.000	796.231	1.399.000
22	82E602-26	S20- Module thẻ từ RFID 82E602-26	1.036.980	1.646.000	1.030.343	1.811.000
23	825901-26	S20- Module nút khẩn cấp 825901-26	265.230	421.000	263.533	463.000
24	82E731-26	S20- Module đèn chân tường cảm ứng 3000K 82E731-26	516.600	820.000	513.294	902.000
25	82E651-26	S20- Module ổ cắm máy cạo râu 82E651-26	996.030	1.581.000	989.655	1.739.000
26	821000-26	S20- Module nút che trơn 821000-26	143.640	228.000	142.721	251.000
27	82E727-26	S20- Module ổ cắm USB (5V 2.4A) + TYPE C (45W) 82E727-26	1.592.640	2.528.000	1.582.447	2.781.000
28	822023-26	S20- Module công tắc 20A 822023-26	418.320	664.000	415.643	730.000
29	820810-2B	S20- Khung viền đơn (square) 820810-2B	191.520	304.000	190.294	334.000
30	820810-2C	S20- Khung viền đơn (square) 820810-2C	191.520	304.000	190.294	334.000
31	820820-2B	S20- Khung viền đôi (square+twin oval) 820820-2B	575.190	913.000	571.509	1.004.000
32	820820-2C	S20- Khung viền đôi (square+twin oval) 820820-2C	575.190	913.000	571.509	1.004.000
33	820830-2B	S20- Khung viền ba (square*3) 820830-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
34	820830-2C	S20- Khung viền ba (square*3) 820830-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
35	820840-2B	S20- Khung viền bốn (square*4) 820840-2B	1.278.270	2.029.000	1.270.089	2.232.000
36	820840-2C	S20- Khung viền bốn (square*4) 820840-2C	1.278.270	2.029.000	1.270.089	2.232.000
37	820811-2B	S20- Khung viền đơn (oval) 820811-2B	447.300	710.000	444.437	781.000
38	820811-2C	S20- Khung viền đơn (oval) 820811-2C	447.300	710.000	444.437	781.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
39	820812-2B	S20- Khung viền đơn (twin oval) 820812-2B	447.300	710.000	444.437	781.000
40	820812-2C	S20- Khung viền đơn (twin oval) 820812-2C	447.300	710.000	444.437	781.000
41	820813-2B	S20- Khung viền đơn (waist-shaped) 820813-2B	335.160	532.000	333.015	585.000
42	820813-2C	S20- Khung viền đơn (waist-shaped) 820813-2C	335.160	532.000	333.015	585.000
43	820814-2B	S20- Khung viền đơn (twin waist-shaped) 820814-2B	335.160	532.000	333.015	585.000
44	820814-2C	S20- Khung viền đơn (twin waist-shaped) 820814-2C	335.160	532.000	333.015	585.000
45	820815-2B	S20- Khung viền đơn (round) 820815-2B	335.160	532.000	333.015	585.000
46	820815-2C	S20- Khung viền đơn (round) 820815-2C	335.160	532.000	333.015	585.000
47	820821-2B	S20- Khung viền đôi (square*2) 820821-2B	623.700	990.000	619.708	1.089.000
48	820821-2C	S20- Khung viền đôi (square*2) 820821-2C	623.700	990.000	619.708	1.089.000
49	820822-2B	S20- Khung viền đôi (square+round) 820822-2B	623.700	990.000	619.708	1.089.000
50	820822-2C	S20- Khung viền đôi (square+round) 820822-2C	623.700	990.000	619.708	1.089.000
51	820823-2B	S20- Khung viền đôi (twin waist-shaped*2) 820823-2B	623.700	990.000	619.708	1.089.000
52	820823-2C	S20- Khung viền đôi (twin waist-shaped*2) 820823-2C	623.700	990.000	619.708	1.089.000
53	820824-2B	S20- Khung viền đôi (twin waist-shaped+round) 820824-2B	670.950	1.065.000	666.656	1.172.000
54	820824-2C	S20- Khung viền đôi (twin waist-shaped+round) 820824-2C	670.950	1.065.000	666.656	1.172.000
55	820831-2B	S20- Khung viền ba (round+waist-shaped+twin waist-shaped) 820831-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
56	820831-2C	S20- Khung viền ba (round+waist-shaped+twin waist-shaped) 820831-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
57	820832-2B	S20- Khung viền ba (square*2+round) 820832-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
58	820832-2C	S20- Khung viền ba (square*2+round) 820832-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
59	820833-2B	S20- Khung viền ba (twin waist-shaped*2+square) 820833-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
60	820833-2C	S20- Khung viền ba (twin waist-shaped*2+square) 820833-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
61	820834-2B	S20- Khung viền ba (square+twin waist-shaped*2) 820834-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
62	820834-2C	S20- Khung viền ba (square+twin waist-shaped*2) 820834-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
63	820841-2B	S20- Khung viền bốn (twin waist-shaped*3+round) 820841-2B	1.341.900	2.130.000	1.333.312	2.343.000
64	820841-2C	S20- Khung viền bốn (twin waist-shaped*3+round) 820841-2C	1.341.900	2.130.000	1.333.312	2.343.000
65	820824-2B	S20 - Khung viền đôi (twin waist-shaped+round) 820824-2B	670.950	1.065.000	666.656	1.172.000
66	820824-2C	S20 - Khung viền đôi (twin waist-shaped+round) 820824-2C	670.950	1.065.000	666.656	1.172.000
67	820831-2B	S20 - Khung viền ba (round+waist-shaped+twin waist-shaped) 820831-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
68	820831-2C	S20 - Khung viền ba (round+waist-shaped+twin waist-shaped) 820831-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
69	820832-2B	S20 - Khung viền ba (square*2+round) 820832-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
70	820832-2C	S20 - Khung viền ba (square*2+round) 820832-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
71	820833-2B	S20 - Khung viền ba (twin waist-shaped*2+square) 820833-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
72	820833-2C	S20 - Khung viền ba (twin waist-shaped*2+square) 820833-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
73	820834-2B	S20 - Khung viền ba (square+twin waist-shaped*2) 820834-2B	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
74	820834-2C	S20 - Khung viền ba (square+twin waist-shaped*2) 820834-2C	893.970	1.419.000	888.249	1.561.000
75	820841-2B	S20 - Khung viền bốn (twin waist-shaped*3+round) 820841-2B	1.341.900	2.130.000	1.333.312	2.343.000
76	820841-2C	S20 - Khung viền bốn (twin waist-shaped*3+round) 820841-2C	1.341.900	2.130.000	1.333.312	2.343.000
PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG			-			
5	Đế âm		-			
1	SED1A086C	Đế âm vuông đơn 86 (1 gang: S6, 50, E6, I7, V8. Multi gang all, except 76type	18.270	29.000	18.153	32.000
2	SED1A076	Đế âm vuông đơn loại 76 (1 gang: S6, 50, E6, I7, V8. Multi gang: I7, V8-76type	18.270	29.000	18.153	32.000
3	SED1A118	Đế âm chữ nhật 99.5x65x47.5mm SED1A118	18.270	29.000	18.153	32.000
4	SED9A100	Đế ổ âm sàn SED9A100	90.720	144.000	90.139	158.000
6	Hộp chống thấm		-			
1	S2154	Hộp chống thấm nước chữ nhật (loại ngang) S2154	72.450	115.000	71.986	127.000
2	S2155	Hộp chống thấm nước chữ nhật cho ổ cắm (loại dọc) S2155	72.450	115.000	71.986	127.000
3	S254	Hộp chống thấm nước cho công tắc (trong suốt) S254	118.440	188.000	117.682	207.000
4	S255	Hộp chống thấm nước cho ổ cắm (trong suốt) S255	116.550	185.000	115.804	204.000
5	S154	Hộp chống thấm nước vuông cho công tắc (nhựa mờ) S154	66.150	105.000	65.727	116.000
6	S155	Hộp chống thấm nước vuông cho ổ cắm (nhựa mờ) S155	65.520	104.000	65.101	114.000
7	S258	Mặt che nước IP55 cho ổ cắm (loại vuông)	124.740	198.000	123.942	218.000
7	Thiết bị khác		-			
1	45002	Chuông cửa với 2 loại âm thanh 45002	354.690	563.000	352.420	619.000
2	45002-73	Chuông cửa với 2 loại âm thanh (Bright Silver) 45002-73	376.740	598.000	374.329	658.000
3	45002-74	Chuông cửa với 2 loại âm thanh (Coffee Black) 45002-74	376.740	598.000	374.329	658.000
III	THIẾT BỊ PHỤ TRỢ		-			
1	Ổ âm sàn		-			
1	SEF34P8	Ổ cắm âm sàn gồm ổ điện thoại + ổ mạng (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF34P	1.056.510	1.677.000	1.072.569	1.845.000
2	SEF3888	Bộ 3 ổ mạng (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF3888	1.072.260	1.702.000	1.088.558	1.872.000
3	SEF34P5	Bộ ổ điện thoại + tivi (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF34P5	1.042.020	1.654.000	1.057.859	1.819.000
4	SEF38P8	Ổ cắm âm sàn gồm 2 ổ mạng (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF38P8	1.053.990	1.673.000	1.070.011	1.840.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
5	SEF3884	Ổ cắm âm sàn gồm 2 ổ mạng + điện thoại (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF3884	1.077.300	1.710.000	1.093.675	1.881.000
6	SEF3844	Bộ ổ mạng + 2 điện thoại (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF3844	1.042.020	1.654.000	1.057.859	1.819.000
7	SEF38P5	Bộ ổ mạng + ô tivi (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF38P5	1.038.240	1.648.000	1.054.021	1.813.000
8	SEF3445	Bộ 2 ổ điện thoại + tivi (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF3445	1.029.420	1.634.000	1.045.067	1.797.000
9	SEF3701	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 3 chấu đa năng + ổ 2 chấu (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế	1.026.900	1.630.000	1.042.509	1.793.000
10	SEF3708	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 3 chấu đa năng + ổ mạng (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế	1.042.020	1.654.000	1.057.859	1.819.000
11	SEF3704	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 3 chấu đa năng + ổ điện thoại (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế	1.043.280	1.656.000	1.059.138	1.822.000
12	SEF31U0	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 2 chấu + cổng USB đôi (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế	1.072.260	1.702.000	1.088.558	1.872.000
13	SEF3845	Ổ cắm âm sàn gồm ổ mạng + điện thoại + tivi (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF	1.053.990	1.673.000	1.070.011	1.840.000
14	SEF3600	Ổ âm sàn gồm 2 ổ cắm 3 chấu thường (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF3600	1.049.580	1.666.000	1.065.534	1.833.000
15	SEF3770	Ổ âm sàn gồm 2 ổ cắm 3 chấu đa năng (vỏ vàng) - chưa bao gồm đế SEF3770	1.065.330	1.691.000	1.081.523	1.860.000
16	SEF54P8	Bộ ổ điện thoại + ổ mạng (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF54P8	1.063.440	1.688.000	1.079.604	1.857.000
17	SEF5888	Ổ cắm âm sàn gồm 3 ổ mạng (vỏ inox)- chưa bao gồm đế SEF5888	1.072.260	1.702.000	1.088.558	1.872.000
18	SEF54P5	Bộ ổ điện thoại + tivi (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF54P5	1.042.020	1.654.000	1.057.859	1.819.000
19	SEF58P8	Ổ cắm âm sàn gồm 2 ổ mạng (vỏ inox)- chưa bao gồm đế SEF58P8	1.053.990	1.673.000	1.070.011	1.840.000
20	SEF5884	Bộ 2 ổ mạng + điện thoại (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF5884	1.069.740	1.698.000	1.086.000	1.868.000
21	SEF5844	Bộ ổ mạng + 2 điện thoại (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF5844	1.042.020	1.654.000	1.057.859	1.819.000
22	SEF58P5	Bộ ổ mạng + ô tivi (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF58P5	1.038.240	1.648.000	1.054.021	1.813.000
23	SEF5445	Bộ 2 ổ điện thoại + tivi (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF5445	1.031.310	1.637.000	1.046.986	1.801.000
24	SEF5701	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 3 chấu đa năng + ổ 2 chấu (vỏ inox) - chưa bao gồm đế	1.021.230	1.621.000	1.036.753	1.783.000
25	SEF5708	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 3 chấu đa năng + ổ mạng(vỏ inox) - chưa bao gồm đế	1.042.020	1.654.000	1.057.859	1.819.000
26	SEF5704	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 3 chấu đa năng + ổ điện thoại (vỏ inox) - chưa bao gồm đế	1.040.130	1.651.000	1.055.940	1.816.000
27	SEF51U0	Ổ cắm âm sàn gồm ổ đơn 2 chấu + cổng USB đôi (vỏ inox) - chưa bao gồm đế S	1.072.260	1.702.000	1.088.558	1.872.000
28	SEF5845	Ổ cắm âm sàn gồm ổ mạng + điện thoại + tivi (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF	1.053.990	1.673.000	1.070.011	1.840.000
29	SEF5600	Ổ âm sàn gồm 2 ổ cắm 3 chấu thường (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF5600	1.049.580	1.666.000	1.065.534	1.833.000
30	SEF5770	Ổ âm sàn gồm 2 ổ cắm 3 chấu đa năng (vỏ inox) - chưa bao gồm đế SEF5770	1.065.330	1.691.000	1.081.523	1.860.000
2	Aptomat		-			
1	SMB65C-63C10	Aptomat 1P 10A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C10	88.830	141.000	90.180	155.000
2	SMB65C-63C16	Aptomat 1P 16A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C16	88.830	141.000	90.180	155.000
3	SMB65C-63C20	Aptomat 1P 20A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C20	88.830	141.000	90.180	155.000
4	SMB65C-63C25	Aptomat 1P 25A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C25	88.830	141.000	90.180	155.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
5	SMB65C-63C32	Aptomat 1P 32A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C32	88.830	141.000	90.180	155.000
6	SMB65C-63C40	Aptomat 1P 40A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C40	114.660	182.000	116.403	200.000
7	SMB65C-63C50	Aptomat 1P 50A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C50	116.550	185.000	118.322	204.000
8	SMB65C-63C63	Aptomat 1P 63A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C63	116.550	185.000	118.322	204.000
9	SMB65C-63C16/2	Aptomat 2P 16A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C16/2	204.120	324.000	207.223	356.000
10	SMB65C-63C20/2	Aptomat 2P 20A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C20/2	204.120	324.000	207.223	356.000
11	SMB65C-63C25/2	Aptomat 2P 25A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C25/2	204.120	324.000	207.223	356.000
12	SMB65C-63C32/2	Aptomat 2P 32A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C32/2	204.120	324.000	207.223	356.000
13	SMB65C-63C40/2	Aptomat 2P 40A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C40/2	230.580	366.000	234.085	403.000
14	SMB65C-63C50/2	Aptomat 2P 50A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C50/2	284.130	451.000	288.449	496.000
15	SMB65C-63C63/2	Aptomat 2P 63A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C63/2	284.130	451.000	288.449	496.000
16	SMB65C-100C80/2	Aptomat 2P 80A, dòng cắt 6000 SMB65C-100C80/2	691.740	1.098.000	702.254	1.208.000
17	SMB65C-100C100/2	Aptomat 2P 100A, dòng cắt 6000 SMB65C-100C100/2	729.540	1.158.000	740.629	1.274.000
18	SMB65C-63C16/3	Aptomat 3P 16A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C16/3	307.440	488.000	312.113	537.000
19	SMB65C-63C20/3	Aptomat 3P 20A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C20/3	307.440	488.000	312.113	537.000
20	SMB65C-63C25/3	Aptomat 3P 25A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C25/3	307.440	488.000	312.113	537.000
21	SMB65C-63C32/3	Aptomat 3P 32A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C32/3	307.440	488.000	312.113	537.000
22	SMB65C-63C40/3	Aptomat 3P 40A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C40/3	341.460	542.000	346.650	596.000
23	SMB65C-63C50/3	Aptomat 3P 50A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C50/3	400.680	636.000	406.770	700.000
24	SMB65C-63C63/3	Aptomat 3P 63A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C63/3	400.680	636.000	406.770	700.000
25	SMB65C-100C80/3	Aptomat 3P 80A, dòng cắt 6000 SMB65C-100C80/3	1.014.300	1.610.000	1.029.717	1.771.000
26	SMB65C-100C100/3	Aptomat 3P 100A, dòng cắt 6000 SMB65C-100C100/3	1.035.090	1.643.000	1.050.823	1.807.000
27	SMB65C-63C16/4	Aptomat 4P 16A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C16/4	450.450	715.000	457.297	787.000
28	SMB65C-63C20/4	Aptomat 4P 20A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C20/4	450.450	715.000	457.297	787.000
29	SMB65C-63C25/4	Aptomat 4P 25A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C25/4	450.450	715.000	457.297	787.000
30	SMB65C-63C32/4	Aptomat 4P 32A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C32/4	450.450	715.000	457.297	787.000
31	SMB65C-63C40/4	Aptomat 4P 40A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C40/4	469.980	746.000	477.124	821.000
32	SMB65C-63C50/4	Aptomat 4P 50A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C50/4	558.180	886.000	566.664	975.000
33	SMB65C-63C63/4	Aptomat 4P 63A, dòng cắt 6000 SMB65C-63C63/4	558.180	886.000	566.664	975.000
34	SMB65C-100C80/4	Aptomat 4P 80A, dòng cắt 6000 SMB65C-100C80/4	1.462.860	2.322.000	1.485.095	2.554.000
35	SMB65C-100C100/4	Aptomat 4P 100A, dòng cắt 6000 SMB65C-100C100/4	1.535.310	2.437.000	1.558.647	2.681.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
36	SMB65C-40C10	Aptomat 1P+N 10A, dòng cắt 6000 SMB65C-40C10	167.580	266.000	170.127	293.000
37	SMB65C-40C16	Aptomat 1P+N 16A, dòng cắt 6000 SMB65C-40C16	167.580	266.000	170.127	293.000
38	SMB65C-40C20	Aptomat 1P+N 20A, dòng cắt 6000 SMB65C-40C20	167.580	266.000	170.127	293.000
39	SMB65C-40C25	Aptomat 1P+N 25A, dòng cắt 6000 SMB65C-40C25	167.580	266.000	170.127	293.000
40	SMB65C-40C32	Aptomat 1P+N 32A, dòng cắt 6000 SMB65C-40C32	167.580	266.000	170.127	293.000
41	SMB65C-40C40	Aptomat 1P+N 40A, dòng cắt 6000 SMB65C-40C40	192.150	305.000	195.071	336.000
42	SMB65CL-40C10	Aptomat chống giật 1P+N 10A, dòng cắt 6000 SMB65CL-40C10	587.790	933.000	596.724	1.026.000
43	SMB65CL-40C16	Aptomat chống giật 1P+N 16A, dòng cắt 6000 SMB65CL-40C16	587.790	933.000	596.724	1.026.000
44	SMB65CL-40C20	Aptomat chống giật 1P+N 20A, dòng cắt 6000 SMB65CL-40C20	587.790	933.000	596.724	1.026.000
45	SMB65CL-40C25	Aptomat chống giật 1P+N 25A, dòng cắt 6000 SMB65CL-40C25	587.790	933.000	596.724	1.026.000
46	SMB65CL-40C32	Aptomat chống giật 1P+N 32A, dòng cắt 6000 SMB65CL-40C32	587.790	933.000	596.724	1.026.000
47	SMB65CL-40C40	Aptomat chống giật 1P+N 40A, dòng cắt 6000 SMB65CL-40C40	652.680	1.036.000	662.601	1.140.000
48	SMB65CL-63C10/2	Aptomat chống giật 2P, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C10/2	647.010	1.027.000	656.845	1.130.000
49	SMB65CL-63C16/2	Aptomat chống giật 2P 16A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C16/2	647.010	1.027.000	656.845	1.130.000
50	SMB65CL-63C20/2	Aptomat chống giật 2P 20A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C20/2	647.010	1.027.000	656.845	1.130.000
51	SMB65CL-63C25/2	Aptomat chống giật 2P 25A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C25/2	666.540	1.058.000	676.671	1.164.000
52	SMB65CL-63C32/2	Aptomat chống giật 2P 32A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C32/2	666.540	1.058.000	676.671	1.164.000
53	SMB65CL-63C40/2	Aptomat chống giật 2P 40A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C40/2	813.330	1.291.000	825.693	1.420.000
54	SMB65CL-63C50/2	Aptomat chống giật 2P 50A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C50/2	855.540	1.358.000	868.544	1.494.000
55	SMB65CL-63C63/2	Aptomat chống giật 2P 63A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C63/2	855.540	1.358.000	868.544	1.494.000
56	SMB65CL-63C63/4	Aptomat chống giật 4P 63A, dòng cắt 6000 SMB65CL-63C63/4	1.442.070	2.289.000	1.463.989	2.518.000
3	Tủ aptomat		-			
1	SET65CS-4AB	Tủ aptomat 4P mặt phẳng SET65CS-4AB	312.480	496.000	317.230	546.000
2	SET65CS-6AB	Tủ aptomat 6P mặt phẳng SET65CS-6AB	373.590	593.000	379.269	652.000
3	SET65CS-9AB	Tủ aptomat 9P mặt phẳng SET65CS-9AB	428.400	680.000	434.912	748.000
4	SMX65CS-4AB	Tủ aptomat 4P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-4AB	312.480	496.000	317.230	546.000
5	SMX65CS-6AB	Tủ aptomat 6P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-6AB	373.590	593.000	379.269	652.000
6	SMX65CS-9AB	Tủ aptomat 9P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-9AB	428.400	680.000	434.912	748.000
7	SMX65CS-12AB	Tủ aptomat 12P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-12AB	826.560	1.312.000	839.124	1.443.000
8	SMX65CS-15AB	Tủ aptomat 15P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-15AB	966.420	1.534.000	981.110	1.687.000
9	SMX65CS-18AB	Tủ aptomat 18P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-18AB	1.078.560	1.712.000	1.094.954	1.883.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá ĐL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
10	SMX65CS-21AB	Tủ aptomat 21P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-21AB	1.189.440	1.888.000	1.207.519	2.077.000
11	SMX65CS-26AB	Tủ aptomat 26P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-26AB	1.632.960	2.592.000	1.657.781	2.851.000
12	SMX65CS-32AB	Tủ aptomat 32P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-32AB	1.896.930	3.011.000	1.925.763	3.312.000
13	SMX65CS-42AB	Tủ aptomat 42P mặt phẳng, nhựa mờ SMX65CS-42AB	2.304.540	3.658.000	2.339.569	4.024.000
4	Quạt thông gió âm trần		-			
1	SEQ16W	Quạt thông gió âm trần ly tâm SEQ16W	2.044.350	3.245.000	2.075.424	3.570.000
2	SEQ20W	Quạt thông gió âm trần ly tâm SEQ20W	2.407.860	3.822.000	2.444.459	4.204.000
IV	THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG		-			
1	DL chống ẩm IP44		-			
1	SPD1009/10W	Downlight siêu mỏng chống ẩm, 10W, 6500k	205.380	326.000	208.502	359.000
2	SPD1009/12W	Downlight siêu mỏng chống ẩm, 12W, 6500k	231.840	368.000	235.364	405.000
2	KC1		-			
1	N0424-1889	Duro LED-KC1 Module 7W3000K24°	332.640	528.000	337.696	581.000
2	N0424-1891	Duro LED-KC1 Module 7W4000K24°	332.640	528.000	337.696	581.000
3	N0424-1893	Duro LED-KC1 Module 7W3000K36°	332.640	528.000	337.696	581.000
4	N0424-1895	Duro LED-KC1 Module 7W4000K36°	332.640	528.000	337.696	581.000
5	N0424-2050	Duro LED-KC1 Module 9W3000K24°	356.580	566.000	362.000	623.000
6	N0424-2052	Duro LED-KC1 Module 9W4000K24°	356.580	566.000	362.000	623.000
7	N0424-2054	Duro LED-KC1 Module 9W3000K36°	356.580	566.000	362.000	623.000
8	N0424-2056	Duro LED-KC1 Module 9W4000K36°	356.580	566.000	362.000	623.000
9	N0424-2064	Duro LED-KC1 Module 12W3000K24°	481.320	764.000	488.636	840.000
10	N0424-2065	Duro LED-KC1 Module 12W4000K24°	481.320	764.000	488.636	840.000
11	N0424-2067	Duro LED-KC1 Module 12W3000K36°	481.320	764.000	488.636	840.000
12	N0424-2068	Duro LED-KC1 Module 12W4000K36°	481.320	764.000	488.636	840.000
13	N0424-2076	Duro LED-KC1 Module 15W3000K24°	512.820	814.000	520.615	895.000
14	N0424-2077	Duro LED-KC1 Module 15W4000K24°	512.820	814.000	520.615	895.000
15	N0424-2079	Duro LED-KC1 Module 15W3000K36°	512.820	814.000	520.615	895.000
16	N0424-2080	Duro LED-KC1 Module 15W4000K36°	512.820	814.000	520.615	895.000
17	N62E0-1158	Smart LED KC1 Tunable WH Module Max12W24°2700-6000K	467.460	742.000	474.565	816.000
18	N62E0-1160	Smart- Module LED KC1 chuyển đổi màu Max12W60°2700-6000K N62E0-1160	467.460	742.000	474.565	816.000
19	N6524-0394	Driver cho đèn Dim Kc1 - smart N6524-0394	1.123.920	1.784.000	1.141.004	1.962.000

STT	Mã hàng	Tên hàng	Giá bán tháng 4 (-VAT) 2026		Giá bán tháng 4 (+VAT) 2026	
			Bảng giá DL	Bảng giá CAT	Giá Stock	Bảng giá CAT
20	N6524-0412	Zigbee module for SC1 driver N6524-0412	630.000	1.000.000	639.576	1.100.000
21	N0424-0231	KC1, mặt viền tròn, chống chói, màu trắng ngà 10° N0424-0231	101.430	161.000	102.972	177.000
22	N0424-0232	KC1, mặt viền tròn, chống chói, màu trắng ngà 30° N0424-0232	101.430	161.000	102.972	177.000
23	N0424-0233	KC1, mặt viền tròn, chống chói, màu đen 10° N0424-0233	101.430	161.000	102.972	177.000
24	N0424-0234	KC1, mặt viền tròn, chống chói màu đen 30° N0424-0234	101.430	161.000	102.972	177.000
25	N0424-0271	KC1, mặt viền tròn N0424-0271	122.220	194.000	124.078	213.000
26	N0424-0272	KC1, mặt viền oval N0424-0272	122.220	194.000	124.078	213.000
27	N0424-0273	KC1, mặt viền vuông , chống chói, màu trắng ngà 10° N0424-0273	131.040	208.000	133.032	229.000
28	N0424-0274	KC1, mặt viền vuông , chống chói, màu trắng ngà 30° N0424-0274	131.040	208.000	133.032	229.000
29	N0424-0275	KC1, mặt viền vuông, chống chói, màu đen 10° N0424-0275	131.040	208.000	133.032	229.000
30	N0424-0276	KC1, mặt viền vuông, chống chói, màu đen 30° N0424-0276	131.040	208.000	133.032	229.000
31	N0424-0391	KC1, mặt viền nhựa, chống chói, màu trắng N0424-0391	66.150	105.000	67.155	116.000
32	N0424-0392	KC1, mặt viền nhựa, chống chói, màu đen N0424-0392	66.150	105.000	67.155	116.000
33	N0424-0393	KC1, mặt viền nhựa, chống chói, màu bạc N0424-0393	98.910	157.000	100.413	173.000

